TÔN NAM KIM

THƯƠNG HIỆU QUỐC GIA Vietnam Value

Số/*No.*: 17/2026/CBTT-NK

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 07 năm 2026
Ho Chi Minh City, July 15, 2026

CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG
EXTRAORDINARY INFORMATION DISCLOSURE

Kính gửi/*To*: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước/ *The State Securities Commission*;
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh/ *Ho Chi Minh Stock Exchange*.

Tên tổ chức: **CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP NAM KIM**

Name of organization: ***NAM KIM STEEL JOINT STOCK COMPANY***

Mã chứng khoán/*Stock code*: NKG

Địa chỉ trụ sở chính: Lô A1, Đường Đ2, Khu công nghiệp Đồng An 2, Phường Bình Dương, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Address of head office: Lot A1, D2 Street, Dong An 2 Industrial Park, Binh Duong Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam.

Điện thoại/*Tel*: 0274.3748.848 Fax: 0274.3748.868 Email: info@namkimgroup.vn

Nội dung thông tin công bố/*Contents of disclosure*:

1. **Nghị quyết Hội đồng quản trị số 11/2026/NQ-HĐQT ngày 15/07/2026 về việc thông qua sửa đổi các nội dung liên quan đến vốn điều lệ và số lượng cổ phần trong Điều lệ Công ty Cổ phần Thép Nam Kim.**

1. ***Resolution of the Board of Directors No. 11/2026/NQ-HDQT dated July 15, 2026, regarding the approval of amendments to the provisions relating to the charter capital and the number of shares in the Charter of Nam Kim Steel Joint Stock Company.***

2. **Điều lệ Công ty Cổ phần Thép Nam Kim - sửa đổi lần thứ 28, có hiệu lực ngày 15/07/2026.**

2. ***The Charter of Nam Kim Steel Joint Stock Company – 28th amendment, effective July 15, 2026.***

Thông tin này đã được công bố trên website của Công ty/*This information was published on the Company's website*: https://tonnamkim.com/

Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố/ *We hereby certify that the information provided is true and correct and we bear the full responsibility to the law./.*

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
LEGAL REPRESENTATIVE
TỔNG GIÁM ĐỐC/*GENERAL DIRECTOR*

M.S.D.N:3700477019-C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP NAM KIM
P.BÌNH DƯƠNG-TP.HỒ CHÍ MINH

NGUYỄN VINH AN

TÔN NAM KIM

THƯƠNG HIỆU QUỐC GIA Vietnam Value

Số: 11/2026/NQ-HĐQT

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 07 năm 2026

NGHỊ QUYẾT HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP NAM KIM

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- *Căn cứ Luật Doanh nghiệp 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;*
- *Căn cứ Luật Chứng khoán 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;*
- *Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Thép Nam Kim ("**Công ty**");*
- *Căn cứ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty số 001/2026/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24/04/2026;*
- *Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3700477019, đăng ký lần đầu ngày 23/12/2002, đăng ký thay đổi lần thứ 33, ngày 10/07/2026 do Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh cấp;*
- *Căn cứ Biên bản họp Hội đồng quản trị ("**HĐQT**") Công ty số 11/2026/BBH-HĐQT ngày 15/07/2026.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua việc sửa đổi các nội dung liên quan đến vốn điều lệ và số lượng cổ phần trong Điều lệ Công ty, chi tiết như sau:

Điều lệ hiện hành	Điều lệ sửa đổi
Điều 6: Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập 1. Vốn điều lệ của Công ty là 4.475.708.810.000 VNĐ *(Bằng chữ: Bốn nghìn bốn trăm bảy mươi lăm tỷ bảy trăm lẻ tám triệu tám trăm mười nghìn đồng).* Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 447.570.881 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.	**Điều 6: Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập** 1. Vốn điều lệ của Công ty là 4.923.239.610.000 VNĐ *(Bằng chữ: Bốn nghìn chín trăm hai mươi ba tỷ hai trăm ba mươi chín triệu sáu trăm mười nghìn đồng).* Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 492.323.961 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.

Điều 2. Hội đồng quản trị ủy quyền cho Tổng giám đốc kiêm Người đại diện theo pháp luật Công ty thực hiện các thủ tục có liên quan đến việc sửa đổi Điều lệ Công ty nêu trên theo quy định pháp luật.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

- Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và các đơn vị, phòng ban liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.
- Nghị quyết có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Ban kiểm soát;
- Lưu: VT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HĐQT

M.S.D.N:3700477019-C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP NAM KIM
P.BÌNH DƯƠNG-TP.HỒ CHÍ MINH

HỒ MINH QUANG

TÔN NAM KIM

THƯƠNG HIỆU QUỐC GIA Vietnam Value

M.S.D.N:3700477019-C.T.C.P CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP NAM KIM P.BÌNH DƯƠNG-TP.HỒ CHÍ MINH

No: 11/2026/NQ-HDQT

Ho Chi Minh City, July 15, 2026

RESOLUTION OF THE BOARD OF DIRECTORS
NAM KIM STEEL JOINT STOCK COMPANY

THE BOARD OF DIRECTORS

- *Pursuant to the Law on Enterprises No. 59/2020/QH14 dated June 17, 2020;*
- *Pursuant to the Law on Securities No. 54/2019/QH14 dated November 26, 2019;*
- *Pursuant to the Charter of Nam Kim Steel Joint Stock Company (**"the Company"**);*
- *Pursuant to the Resolution of the Annual General Meeting of Shareholders of the Company No. 001/2026/NQ-DHDCD dated April 24, 2026;*
- *Pursuant to the Certificate of business registration No. 3700477019, the first registration December 23, 2002, with the 33 registration for change dated July 10, 2026 issued by Business Registration Office - Department of Finance of Ho Chi Minh City;*
- *Pursuant to the Minute of the Board of Directors (**"BOD"**) Meeting of the Company No. 11/2026/BBH-HDQT dated July 15, 2026.*

RESOLVES:

Article 1. To approve amendments to the provisions relating to the charter capital and the number of shares in the Company's Charter, detailed as follows:

Current Charter	Amended Charter
Article 6: Charter capital, shares, and founding shareholders 1. The Company's charter capital is 4,475,708,810,000 VND *(In words: Four thousand four hundred seventy-five billion seven hundred eight million eight hundred ten thousand Vietnamese dong).* The total charter capital of the Company is divided into 447,570,881 shares with a par value of 10,000 VND/share.	**Article 6: Charter capital, shares, and founding shareholders** 1. The Company's charter capital is 4,923,239,610,000 VND *(In words: Four thousand nine hundred twenty-three billion two hundred thirty-nine million six hundred ten thousand Vietnamese dong).* The total charter capital of the Company is divided into 492,323,961 shares with a par value of 10,000 VND/share.

Article 2. The Board of Directors hereby authorizes the General Director, concurrently the Company's Legal Representative, to implement all procedures relating to the foregoing amendments to the Company's Charter in accordance with applicable law.

Article 3. Effectiveness

- Members of the Board of Directors, the Board of Management and relevant divisions, departments shall be responsible for implementing this Resolution.
- This Resolution shall take effect from the date of signing./.

Recipients:
- As above;
- The Board of Supervisors;
- Archives.

ON BEHALF OF THE BOARD OF DIRECTORS
CHAIRMAN OF THE BOARD OF DIRECTORS

(Signed and sealed)

HO MINH QUANG

TÔN NAM KIM

THƯƠNG HIỆU QUỐC GIA Vietnam Value

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐIỀU LỆ

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP NAM KIM

(Sửa đổi lần thứ 28)

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 07 năm 2026

Mục lục

PHẦN MỞ ĐẦU **1**
I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ **2**
Điều 1. Giải thích thuật ngữ 2
II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY **3**
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty 3
Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty 3
III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY **3**
Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty 3
Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty 4
IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP **4**
Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập 4
Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu 4
Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác 5
Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần 5
V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT **5**
Điều 10. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát 5
VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG **5**
Điều 11. Quyền của cổ đông 5
Điều 12. Nghĩa vụ của cổ đông 7
Điều 13. Đại hội đồng cổ đông 7
Điều 14. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông 9
Điều 15. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông 10
Điều 16. Thay đổi các quyền 11
Điều 17. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông 11
Điều 18. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông 13
Điều 19. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông 13
Điều 20. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua 15
Điều 21. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông 15
Điều 22. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông 17
Điều 23. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông 17
VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ **18**
Điều 24. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị 18
Điều 25. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị 18
Điều 26. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị 19
Điều 27. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị 20
Điều 28. Chủ tịch Hội đồng quản trị 21
Điều 29. Cuộc họp của Hội đồng quản trị 22
Điều 30. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị 23
Điều 31. Người phụ trách quản trị công ty 23

VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC 24
Điều 32. Tổ chức bộ máy quản lý 24
Điều 33. Người điều hành Công ty 24
Điều 34. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc 24
IX. BAN KIỂM SOÁT 25
Điều 35. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên) 25
Điều 36. Thành phần Ban kiểm soát 25
Điều 37. Trưởng Ban kiểm soát 26
Điều 38. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát 26
Điều 39. Cuộc họp của Ban kiểm soát 27
Điều 40. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát 27
X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC 27
Điều 41. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi 28
Điều 42. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường 28
XI. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY 29
Điều 43. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ 29
XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN 29
Điều 44. Công nhân viên và công đoàn 29
XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN 30
Điều 45. Phân phối lợi nhuận 30
XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN 30
Điều 46. Tài khoản ngân hàng 30
Điều 47. Năm tài chính 30
Điều 48. Chế độ kế toán 30
XV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN 31
Điều 49. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý 31
Điều 50. Báo cáo thường niên 31
XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY 31
Điều 51. Kiểm toán 31
XVII. DẤU CỦA DOANH NGHIỆP 31
Điều 52. Dấu của doanh nghiệp 31
XVIII. GIẢI THỂ CÔNG TY 32
Điều 53. Giải thể công ty 32
Điều 54. Gia hạn hoạt động 32
Điều 55. Thanh lý 32
XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ 33
Điều 56. Giải quyết tranh chấp nội bộ 33
XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ 33
Điều 57. Điều lệ công ty 33
XXI. NGÀY HIỆU LỰC 33
Điều 58. Ngày hiệu lực 33

PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ này được thông qua theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên số 001/2026/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24 tháng 04 năm 2026 và được sửa đổi, bổ sung theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 11/2026/NQ-HĐQT ngày 15 tháng 07 năm 2026 của Công ty Cổ phần Thép Nam Kim.

Điều lệ này thay thế Điều lệ Công ty ban hành ngày 11 tháng 05 năm 2026 và tất cả các Điều lệ của Công ty Cổ phần Thép Nam Kim được thông qua tại các Đại hội đồng cổ đông trước đó.

I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- Công ty: là Công ty Cổ phần Thép Nam Kim;
- Vốn điều lệ: là tổng mệnh giá cổ phần đã bán hoặc được đăng ký mua khi thành lập công ty cổ phần và theo quy định tại Điều 6 Điều lệ này;
- Vốn có quyền biểu quyết: là vốn cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- Luật Doanh nghiệp: là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- Luật Chứng khoán: là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- Việt Nam: là nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- Ngày thành lập: là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các giấy tờ có giá trị tương đương) lần đầu;
- Người điều hành doanh nghiệp: là Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ Công ty;
- Người quản lý doanh nghiệp: là người quản lý công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác theo quy định tại Điều lệ Công ty;
- Người có liên quan: là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán;
- Cổ đông: là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của Công ty cổ phần;
- Cổ đông sáng lập: là cổ đông sở hữu ít nhất một cổ phần phổ thông và ký tên trong danh sách cổ đông sáng lập Công ty cổ phần;
- Cổ đông lớn: là cổ đông được quy định tại khoản 18 Điều 4 Luật Chứng khoán;
- Thời hạn hoạt động: là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua;
- Sở giao dịch chứng khoán: là Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam và các Công ty con.

2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản thay thế.

3. Các tiêu đề (Mục, Điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên Công ty:
   - Tên Công ty viết bằng tiếng Việt : **CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP NAM KIM**
   - Tên Công ty viết bằng tiếng Anh : **NAM KIM STEEL JOINT STOCK COMPANY**
   - Tên Công ty viết tắt : **NAKISCO**
2. Công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.
3. Trụ sở đăng ký của Công ty:
   - Địa chỉ trụ sở chính : **Lô A1, Đường Đ2, Khu công nghiệp Đồng An 2, Phường Bình Dương, Thành phố Hồ Chí Minh.**
   - Điện thoại : **0274 3748 848**
   - Fax : **0274 3748 868**
   - Email : **info@namkimgroup.vn**
   - Website : **www.tonnamkim.com**
4. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.
5. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn quy định tại khoản 2 Điều 53 hoặc gia hạn hoạt động theo quy định tại Điều 54 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty là vô thời hạn.

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty

Công ty có 01 người đại diện theo pháp luật là Tổng giám đốc Công ty.

III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty

1. Ngành, nghề kinh doanh của Công ty:

a. Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Sản xuất các loại tôn thép: tôn mạ kẽm, tôn mạ hợp kim nhôm kẽm (tôn lạnh), tôn mạ hợp kim nhôm kẽm phủ sơn, tôn mạ kẽm phủ sơn.

b. Sản xuất sắt, thép, gang. Chi tiết: Sản xuất thép ống, thép hộp, thép hình và các sản phẩm thép cuộn, thép cán nguội, thép mạ kẽm, băng thép đen, băng thép mạ kẽm.

c. Bán buôn kim loại và quặng kim loại. Chi tiết: Bán buôn các sản phẩm sắt, thép, kẽm thỏi, nhôm, các kim loại và hợp kim khác (Trừ vàng miếng).

d. Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại. Chi tiết: Gia công cơ khí; mạ, đánh bóng kim loại; xẻ xử lý kim loại bằng phương pháp nhiệt; làm sạch kim loại; mài, đánh bóng kim loại; khoan, tiện... các phần của khung kim loại; mạ các loại hợp kim khác và mạ hợp kim khác phủ sơn.

e. Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại.

Trong trường hợp cần thiết, Hội đồng quản trị Công ty sẽ đề xuất Đại hội đồng cổ đông quyết định việc thu hẹp hoặc mở rộng các ngành nghề kinh doanh của Công ty phù hợp với quy định của Điều lệ này và pháp luật liên quan.

2. Mục tiêu hoạt động của Công ty là hoạt động trong các ngành nghề phù hợp với Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các quy định của pháp luật nhằm mục đích tối đa hóa lợi nhuận, phát triển hoạt động sản xuất, kinh doanh, đem lại lợi ích tối ưu cho các cổ đông, đóng góp cho ngân sách Nhà nước thông qua các loại thuế từ các hoạt động sản xuất, kinh doanh, đồng thời đem lại việc làm, tạo thu nhập cho người lao động.

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty

Công ty được phép tiến hành hoạt động kinh doanh theo các ngành nghề quy định tại Điều lệ này đã đăng ký, thông báo thay đổi nội dung đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh và đã công bố trên cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia.

IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập

1. Vốn điều lệ của Công ty là 4.923.239.610.000 VNĐ *(Bằng chữ: Bốn nghìn chín trăm hai mươi ba tỷ hai trăm ba mươi chín triệu sáu trăm mười nghìn đồng).*

   Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 492.323.961 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.

2. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.

3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này bao gồm cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông nắm giữ từng loại cổ phần được quy định tại Điều 11, Điều 12 Điều lệ này.

4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.

5. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác, số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho cổ đông và người khác với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác.

6. Công ty có thể mua không quá 30% tổng số cổ phần phổ thông do chính Công ty đã bán, một phần hoặc toàn bộ cổ phần ưu đãi cổ tức đã bán, kể cả cổ phần ưu đãi hoàn lại, theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. Cổ phiếu quỹ và việc mua lại cổ phần của Công ty sẽ được thực hiện theo quy định của pháp luật.

7. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.

2. Cổ phiếu là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của tổ chức phát hành, cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp.

Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty.

Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác, cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 10. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông
2. Hội đồng quản trị
3. Ban kiểm soát
4. Tổng giám đốc

VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 11. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:
   a. Tham dự, phát biểu trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty, pháp luật quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;
   b. Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
   c. Ưu tiên mua cổ phần mới tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công ty;
   d. Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120, khoản 1 Điều 127 Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan;
   e. Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình;
   f. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
   g. Khi Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty;

h. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp;

i. Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;

j. Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật;

k. Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

l. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:

a. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp;

b. Xem xét, tra cứu, trích lục số biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;

c. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

d. Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;

e. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện như sau:

a. Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b. Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

Điều 12. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:

1. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua.
2. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.
3. Tuân thủ Điều lệ Công ty và Quy chế quản lý nội bộ của Công ty.
4. Chấp hành nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.
5. Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ Công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.
6. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:
   a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
   b. Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
   c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
   d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.
7. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:
   a. Vi phạm pháp luật;
   b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
   c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Công ty;
   d. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 13. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.

2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm được kiểm toán. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

   a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;

   b. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;

   c. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;

   d. Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;

   e. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường:

   a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại như quy định tại điểm b khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 3 Điều này;

   b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp;

   c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm c khoản 3 Điều này có quyền yêu cầu đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp;

   Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

   d. Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

Điều 14. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:
   a. Thông qua định hướng phát triển của Công ty;
   b. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;
   c. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
   d. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 50% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
   e. Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty;
   f. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
   g. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
   h. Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;
   i. Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;
   j. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
   k. Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
   l. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;
   m. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật và Điều lệ này.
2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:
   a. Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
   b. Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;
   c. Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;
   d. Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc;
   e. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát;
   f. Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
   g. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
   h. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
   i. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
   j. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết;

k. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty;

l. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng 03 năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;

m. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;

n. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;

o. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 50% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;

p. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;

q. Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;

r. Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

s. Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát;

t. Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 15. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.

2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.

   Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

3. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây trừ trường hợp:

a. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

b. Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;

c. Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 16. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại tham dự và biểu quyết tại cuộc họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.
2. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu 02 cổ đông (hoặc đại diện theo ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu 1/3 giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong thời hạn 30 ngày tiếp theo và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.
3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 18, 19 và 20 Điều lệ này.
4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 17. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 13 Điều lệ này.
2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:
   a. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;
   b. Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;
   c. Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;

d. Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;

e. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;

f. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;

g. Các công việc khác phục vụ đại hội.

3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;

b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;

c. Phiếu biểu quyết;

d. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

a. Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 4 Điều này;

b. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 2 Điều 11 Điều lệ này;

c. Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nêu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Điều 18. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.
2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.
3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

Điều 19. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:
   a. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp;
   b. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.
2. Việc bầu chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:
   a. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trưởng Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;
   b. Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;
   c. Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;
   d. Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.

3. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

4. Chủ tọa đại hội có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp:

   a. Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

   b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;

   c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

6. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

7. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây:

   a. Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;

   b. Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

8. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:

   a. Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;

   b. Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;

   c. Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

9. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 8 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.

10. Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 20. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp:
   a. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
   b. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
   c. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;
   d. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 50% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
   e. Tổ chức lại, giải thể Công ty.
2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1 Điều này và khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.
3. Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

Điều 21. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 147 Luật Doanh nghiệp.
2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 17 Điều lệ này.
3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
   a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
   b. Mục đích lấy ý kiến;
   c. Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;

f. Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:

a. Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

b. Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;

c. Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;

c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

e. Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

6. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 22. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:
   a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
   b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
   c. Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
   d. Họ, tên chủ tọa và thư ký;
   e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
   f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
   g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
   h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
   i. Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.
2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.
3. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.
4. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 23. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 20 Điều lệ này.
2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 24. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:
   a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
   b. Trình độ chuyên môn;
   c. Quá trình công tác;
   d. Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
   e. Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
   f. Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ Công ty;
   g. Công ty đại chúng phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới Công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).
2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.
3. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.
4. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

Điều 25. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị có từ 03 đến 11 thành viên người.
2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

3. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị

a. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị không điều hành của công ty đại chúng phải đảm bảo quy định sau:

- Có tối thiểu 01 thành viên không điều hành trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 03 đến 05 thành viên;
- Có tối thiểu 02 thành viên không điều hành trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 06 đến 08 thành viên;
- Có tối thiểu 03 thành viên không điều hành trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 09 đến 11 thành viên.

b. Tổng số thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải đảm bảo quy định sau:

- Có tối thiểu 01 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 03 đến 05 thành viên;
- Có tối thiểu 02 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 06 đến 08 thành viên;
- Có tối thiểu 03 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 09 đến 11 thành viên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp.

5. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

6. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.

Điều 26. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ Công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;

b. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

c. Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

d. Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;

e. Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;

f. Quyết định phương án đầu tư, dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% đến dưới 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;

g. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

h. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay, cầm cố, nhận cầm cố, thế chấp, nhận thế chấp, bảo lãnh, nhận bảo lãnh và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ các hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

i. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ Công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;

j. Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;

k. Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

l. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;

m. Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;

n. Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

o. Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;

p. Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; Quy chế về công bố thông tin của Công ty;

q. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ Công ty.

3. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 27. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng.

3. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

4. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

5. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phai chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

7. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 28. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiểm Tổng giám đốc.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:

   a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;

   b. Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;

   c. Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

   d. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

   e. Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

   f. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

Điều 29. Cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.
2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
   a. Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
   b. Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
   c. Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;
   d. Trường hợp khác do Điều lệ Công ty quy định.
4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.
5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.
6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

   Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ Công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.
7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

   Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.
8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.
9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:
   a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

b. Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;

c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;

e. Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định trong Điều lệ Công ty.

10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

12. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành (trên 50%); trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Điều 30. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 03 người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

Điều 31. Người phụ trách quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị của Công ty phải bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.

2. Người phụ trách quản trị công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.

3. Người phụ trách quản trị công ty có quyền và nghĩa vụ sau:

a. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;

b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;

c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;

d. Tham dự các cuộc họp;

e. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;

f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;

g. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;

h. Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;

i. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;

j. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 32. Tổ chức bộ máy quản lý

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty. Công ty có Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Điều 33. Người điều hành Công ty

1. Người điều hành Công ty bao gồm Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng.
2. Theo đề nghị của Tổng giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.
3. Tổng giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.
4. Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 34. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm 01 thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Tổng giám đốc.
2. Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.
3. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
4. Tổng giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:

a. Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

b. Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

c. Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;

d. Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;

e. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

f. Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng giám đốc;

g. Tuyển dụng lao động;

h. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;

i. Quyết định phương án đầu tư, dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị dưới 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;

j. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay, cầm cố, nhận cầm cố, thế chấp, nhận thế chấp, bảo lãnh, nhận bảo lãnh và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị dưới 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ các hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị;

k. Được ủy quyền cho các cá nhân và/hoặc tổ chức khác thực hiện các công việc liên quan thuộc thẩm quyền và phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và Hội đồng quản trị về việc ủy quyền đó;

l. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng giám đốc mới thay thế.

IX. BAN KIỂM SOÁT

Điều 35. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên)

1. Việc ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát được thực hiện tương tự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 24 Điều lệ này.

2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 36. Thành phần Ban kiểm soát

1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty là từ 03 đến 05 Kiểm soát viên. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp và không thuộc các trường hợp sau:

a. Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;

b. Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong 03 năm liền trước đó.

3. Thành viên Ban Kiểm soát bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại khoản 2 Điều này;

b. Có đơn từ chức và được chấp thuận;

c. Các trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ này.

4. Thành viên Ban kiểm soát bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c. Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;

d. Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 37. Trưởng Ban kiểm soát

1. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

2. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát:

a. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;

b. Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;

c. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.

Điều 38. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:

1. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.

2. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.

3. Giám sát tình hình tài chính của Công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác.

4. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông.

5. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
6. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.
7. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.
8. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.
9. Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty.
10. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 39. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất 02 lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 số thành viên Ban kiểm soát. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.
2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 40. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát

Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.
2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.
3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty.

Điều 41. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.
3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.
4. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.
5. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.
6. Giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến các đối tượng này không bị vô hiệu trong các trường hợp sau đây:
   a. Đối với giao dịch có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị thông qua bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;
   b. Đối với giao dịch có giá trị lớn hơn 35% hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.

Điều 42. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.
2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc đại

diện được Công ty ủy quyền đã hoặc đang thực hiện nhiệm vụ theo ủy quyền của Công ty, hành động trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm trách nhiệm của mình.

3. Chi phí bồi thường bao gồm chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế (kể cả phí thuê luật sư) khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

XI. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 43. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:

   a. Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

   b. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền xem xét, tra cứu, trích lục số biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty.

2. Trường hợp đại diện được ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác có quyền tra cứu sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông, sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

4. Công ty phải lưu giữ Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.

5. Điều lệ Công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 44. Công nhân viên và công đoàn

1. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp.

2. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 45. Phân phối lợi nhuận

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.
2. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.
3. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.
4. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam.
5. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức bằng tiền mặt hoặc cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.
6. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 46. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.
2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.
3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 47. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 hằng năm và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hằng năm.

Điều 48. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành, chấp thuận.

2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.

3. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

XV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 49. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý

1. Công ty phải lập báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật. Công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty.

3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính bán niên đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 50. Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 51. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị.

2. Báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.

3. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty được tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

XVII. DẤU CỦA DOANH NGHIỆP

Điều 52. Dấu của doanh nghiệp

1. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.

2. Hội đồng quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty (nếu có).

3. Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc sử dụng và quản lý dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

XVIII. GIẢI THỂ CÔNG TY

Điều 53. Giải thể công ty

1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:
   a. Kết thúc thời hạn hoạt động đã ghi trong Điều lệ Công ty mà không có quyết định gia hạn;
   b. Theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
   c. Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác;
   d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

Điều 54. Gia hạn hoạt động

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất 7 tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị.
2. Thời hạn hoạt động được gia hạn khi có số cổ đông đại diện từ 65% trở lên tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông tán thành.

Điều 55. Thanh lý

1. Tối thiểu 06 tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm 03 thành viên, trong đó 02 thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và 01 thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ 01 công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.
2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.
3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:
   a. Các chi phí thanh lý;
   b. Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;
   c. Nợ thuế;

d. Các khoản nợ khác của Công ty;

e. Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 56. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, các quy định pháp luật khác hoặc thỏa thuận giữa:

a. Cổ đông với Công ty;

b. Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc hay người điều hành khác;

Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng 15 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu Ban kiểm soát chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hòa giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng 06 tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài hoặc Tòa án.

3. Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 57. Điều lệ công ty

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.

2. Trường hợp pháp luật có quy định liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trường hợp có quy định pháp luật mới khác với điều khoản trong Điều lệ này thì áp dụng những quy định đó để điều chỉnh hoạt động của Công ty.

XXI. NGÀY HIỆU LỰC

Điều 58. Ngày hiệu lực

1. Bản Điều lệ này gồm 21 mục, 58 điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Thép Nam Kim nhất trí thông qua ngày 24 tháng 04 năm 2026, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 11/2026/NQ-HĐQT ngày 15 tháng 07 năm 2026 của Công ty Cổ phần Thép Nam Kim và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.

2. Điều lệ được lập thành 05 bản, có giá trị như nhau và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.

4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc của Người đại diện theo pháp luật hoặc của Người đại diện theo ủy quyền của Người đại diện theo pháp luật hoặc được cơ quan/tổ chức có thẩm quyền chứng thực bản sao.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
TỔNG GIÁM ĐỐC

M.S.D.N:3700477019-C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP NAM KIM
P.BÌNH DƯƠNG-TP.HỒ CHÍ MINH

NGUYỄN VINH AN

TÔN NAM KIM

THƯƠNG HIỆU QUỐC GIA Vietnam Value

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

Independence - Freedom - Happiness

M.S.D.N:3700477019-C.T.C.P CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP NAM KIM P.BÌNH DƯƠNG-TP.HỒ CHÍ MINH

CHARTER

NAM KIM STEEL JOINT STOCK COMPANY

(28th amendment)

Ho Chi Minh City, July 15, 2026

Table of contents

INTRODUCTION **1**
I. DEFINITIONS OF TERMS IN THE CHARTER **2**
Article 1. Interpretation of terms 2
II. NAME, FORM, HEAD OFFICE, BRANCHES, REPRESENTATIVE OFFICES, BUSINESS LOCATIONS, OPERATIONAL TERM, AND LEGAL REPRESENTATIVE OF THE COMPANY **3**
Article 2. Name, form, head office, branches, representative offices, business locations and operational term of the Company 3
Article 3. Legal representative of the Company 3
III. OBJECTIVES, SCOPE OF BUSINESS AND OPERATIONS OF THE COMPANY **3**
Article 4. Operational objectives of the Company 3
Article 5. Scope of business and operations of the Company 4
IV. CHARTER CAPITAL, SHARES, AND FOUNDING SHAREHOLDERS **4**
Article 6. Charter capital, shares, and founding shareholders 4
Article 7. Stock certificates 5
Article 8. Other securities certificates 5
Article 9. Transfer of shares 5
V. ORGANIZATIONAL STRUCTURE FOR MANAGEMENT AND SUPERVISION **5**
Article 10. Organizational structure for management and supervision 5
VI. SHAREHOLDERS AND THE GENERAL MEETING OF SHAREHOLDERS **5**
Article 11. Rights of Shareholders 5
Article 12. Obligations of Shareholders 7
Article 13. General Meeting of Shareholders 7
Article 14. Rights and obligations of the General Meeting of Shareholders 9
Article 15. Authorization to attend the General Meeting of Shareholders 10
Article 16. Changes of rights 11
Article 17. Convening, agenda, and notice of invitation to the General Meeting of Shareholders 12
Article 18. Conditions for holding a General Meeting of Shareholders 13
Article 19. Procedures for conducting the meeting and voting at the General Meeting of Shareholders .. 13
Article 20. Conditions for resolutions of the General Meeting of Shareholders to be passed 15
Article 21. Authority and procedures for collecting shareholders' written opinions to pass resolutions of the General Meeting of Shareholders 16
Article 22. Resolutions and Minutes of the General Meeting of Shareholders 17
Article 23. Request for annulment of resolutions of the General Meeting of Shareholders 18
VII. BOARD OF DIRECTORS **18**
Article 24. Nomination and candidacy for members of the Board of Directors 18
Article 25. Composition and term of members of the Board of Directors 19
Article 26. Powers and obligations of the Board of Directors 20
Article 27. Remuneration, bonuses and other benefits of members of the Board of Directors 21
Article 28. Chairman of the Board of Directors 22
Article 29. Meeting of the Board of Directors 23
Article 30. Subcommittees under the Board of Directors 24
Article 31. Corporate governance officer 24
VIII. GENERAL DIRECTOR AND OTHER EXECUTIVES **25**
Article 32. Organization of the management apparatus 25

Article 33. Executives of the Company 25
Article 34. Appointment, dismissal, responsibilities, and powers of the General Director 25
IX. BOARD OF SUPERVISORS 26
Article 35. Nomination and candidacy of members of the Board of Supervisors (Supervisors) 26
Article 36. Composition of the Board of Supervisors 27
Article 37. Head of the Board of Supervisors 27
Article 38. Rights and obligations of the Board of Supervisors 28
Article 39. Meetings of the Board of Supervisors 28
Article 40. Salary, remuneration, bonus, and other benefits of members of the Board of Supervisors 29
X. RESPONSIBILITIES OF MEMBERS OF THE BOARD OF DIRECTORS, MEMBERS OF THE BOARD OF SUPERVISORS, GENERAL DIRECTOR, AND OTHER EXECUTIVES 29
Article 41. Responsibility of honesty and avoidance of conflicts of interest 29
Article 42. Liability for damages and indemnification 30
XI. RIGHT TO ACCESS COMPANY BOOKS AND RECORDS 30
Article 43. Right to access books and records 30
XII. EMPLOYEES AND TRADE UNION 31
Article 44. Employees and trade union 31
XIII. PROFIT DISTRIBUTION 31
Article 45. Profit distribution 31
XIV. BANK ACCOUNTS, FISCAL YEAR AND ACCOUNTING SYSTEM 32
Article 46. Bank accounts 32
Article 47. Fiscal year 32
Article 48. Accounting system 32
XV. FINANCIAL STATEMENTS, ANNUAL REPORTS AND INFORMATION DISCLOSURE RESPONSIBILITIES 32
Article 49. Annual, semi-annual and quarterly financial statements 32
Article 50. Annual report 33
XVI. COMPANY AUDIT 33
Article 51. Audit 33
XVII. COMPANY SEAL 33
Article 52. Company seal 33
XVIII. COMPANY DISSOLUTION 33
Article 53. Company dissolution 33
Article 54. Extension of operational term 34
Article 55. Liquidation 34
XIX. RESOLUTION OF INTERNAL DISPUTES 34
Article 56. Resolutions of internal disputes 34
XX. AMENDMENTS AND SUPPLEMENTS TO THE CHARTER 35
Article 57. Company's Charter 35
XXI. EFFECTIVE DATE 35
Article 58. Effective date 35

INTRODUCTION

This Charter is adopted in accordance with the Resolution of the Annual General Meeting of Shareholders No. 001/2026/NQ-DHDCD dated April 24, 2026 and was amended, supplemented in accordance with Resolution of the Board of Directors No. 11/2026/NQ-HDQT dated July 15, 2026 of Nam Kim Steel Joint Stock Company.

This Charter replaces the Company's Charter issued on May 11, 2026 and all Charters of Nam Kim Steel Joint Stock Company adopted at previous General Meetings of Shareholders.

I. DEFINITIONS OF TERMS IN THE CHARTER

Article 1. Interpretation of terms

1. In this Charter, the following terms shall be construed as follows:

- Company: means Nam Kim Steel Joint Stock Company;
- Charter capital: means the total par value of shares sold or registered for subscription at the time of establishment of the joint stock company and as prescribed in Article 6 of this Charter;
- Voting capital: means the share capital entitling the holder to vote on matters within the authority of the General Meeting of Shareholders;
- Law on Enterprises: means Law on Enterprises No. 59/2020/QH14 passed by the National Assembly of the Socialist Republic of Vietnam on June 17, 2020;
- Law on Securities: means Law on Securities No. 54/2019/QH14 passed by the National Assembly of the Socialist Republic of Vietnam on November 26, 2019;
- Vietnam: means the Socialist Republic of Vietnam;
- Date of establishment: means the date on which the Company was first issued the Enterprise Registration Certificate (or Business Registration Certificate or equivalent documents);
- Enterprise executives: mean the General Director, Deputy General Directors, Chief Accountant, and other executives as prescribed in the Company's Charter;
- Enterprise managers: mean the company managers, including the Chairman of the Board of Directors, members of the Board of Directors, the General Director, and individuals holding other managerial positions as defined in the Company's Charter;
- Related persons: means individuals or organizations defined in Clause 46, Article 4 of the Law on Securities;
- Shareholder: means an individual or organization owning at least one share of the joint stock company;
- Founding shareholder: means a shareholder who owns at least one ordinary share and has signed the list of founding shareholders of the joint stock company;
- Major shareholder: means a shareholder defined in Clause 18, Article 4 of the Law on Securities;
- Operational term: means the operational duration of the Company as stipulated in Article 2 of this Charter and any extensions (if any) approved by the General Meeting of Shareholders;
- Stock Exchange: means the Vietnam Stock Exchange and its subsidiaries.

2. In this Charter, references to one or more provisions or documents shall include any amendments, supplements, or replacements thereof.
3. The headings (Sections, Articles of this Charter) are used for ease of reference only and shall not affect the interpretation of the content of this Charter.

II. NAME, FORM, HEAD OFFICE, BRANCHES, REPRESENTATIVE OFFICES, BUSINESS LOCATIONS, OPERATIONAL TERM, AND LEGAL REPRESENTATIVE OF THE COMPANY

Article 2. Name, form, head office, branches, representative offices, business locations and operational term of the Company

1. Company name:
   - Company name in Vietnamese : **CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP NAM KIM**
   - Company name in English : **NAM KIM STEEL JOINT STOCK COMPANY**
   - Abbreviated Company name : **NAKISCO**
2. The Company is a joint stock company with legal entity status in accordance with the current laws of Vietnam.
3. Registered head office of the Company:
   - Head office address : **Lot A1, D2 Street, Dong An 2 Industrial Park, Binh Duong Ward, Ho Chi Minh City.**
   - Tel : **0274 3748 848**
   - Fax : **0274 3748 868**
   - Email : **info@namkimgroup.vn**
   - Website : **www.tonnamkim.com**
4. The Company may establish branches and representative offices in business locations to carry out its operational objectives, subject to decisions of the Board of Directors and within the scope permitted by law.
5. Unless the operation is terminated earlier as specified in Clause 2, Article 53 or is extended according to the provisions of Article 54 of this Charter, the operational term of the Company is indefinite.

Article 3. Legal representative of the Company

The Company has 01 legal representative who is the General Director of the Company.

III. OBJECTIVES, SCOPE OF BUSINESS AND OPERATIONS OF THE COMPANY

Article 4. Operational objectives of the Company

1. Business lines of the Company:
   a. Manufacturing of other metal products not elsewhere classified. Details: Manufacturing various types of steel sheets: zinc-coated steel sheet, aluminum-zinc alloy coated steel sheet (cold-rolled steel sheet), pre-painted aluminum-zinc alloy coated steel sheet, and pre-painted zinc-coated steel sheet.
   b. Manufacturing of iron, steel, and cast iron. Details: Manufacturing steel pipes, box steel, shaped steel, and other steel products including rolled steel, cold-rolled steel, galvanized steel, black steel strips, and galvanized steel strips.
   c. Wholesale of metals and metal ores. Details: Wholesale of iron and steel products, zinc ingots, aluminum, and other metals and alloys (excluding gold bullion).
   d. Mechanical processing; metal treatment and coating. Details: Mechanical processing: metal plating and polishing; metal cutting and heat treatment; metal cleaning; metal grinding and polishing; drilling and turning... parts of metal frames; plating with various alloys and coating with other alloys.

e. Other specialized wholesale not elsewhere classified. Details: Wholesale of metal and non-metal scrap and waste.

If necessary, the Board of Directors may propose the General Meeting of Shareholders to decide on expanding or narrowing the Company's business lines in accordance with this Charter and applicable laws.

2. The Company's operational objective is to operate in business lines permitted under its Business Registration Certificate and by law, aiming to maximize profit, develop production and business activities, bring optimal benefits to shareholders, contribute to the State budget through taxes from production and business activities, and provide jobs and income to employees.

Article 5. Scope of business and operations of the Company

The Company is allowed to conduct business activities in the business lines specified in this Charter that have been registered, with any changes duly notified to the business registration authority and disclosed on the National Business Registration Portal.

IV. CHARTER CAPITAL, SHARES, AND FOUNDING SHAREHOLDERS

Article 6. Charter capital, shares, and founding shareholders

1. The Company's charter capital is 4,923,239,610,000 VND *(In words: Four thousand nine hundred twenty-three billion two hundred thirty-nine million six hundred ten thousand Vietnamese dong).*

   The total charter capital of the Company is divided into 492,323,961 shares with a par value of 10,000 VND/share.

2. The Company may change its charter capital upon approval by the General Meeting of Shareholders and in accordance with the provisions of law.

3. As of the date of adoption of this Charter, all issued shares of the Company are ordinary shares. Rights and obligations of shareholders holding each class of share are specified in Articles 11 and 12 of this Charter.

4. The Company may issue other classes of preferred shares upon approval by the General Meeting of Shareholders and in accordance with the provisions of law.

5. Ordinary shares must be preferentially offered to existing shareholders in proportion to their ownership of ordinary shares in the Company, unless otherwise decided by the General Meeting of Shareholders. Shares not subscribed for by shareholders will be disposed of at the discretion of the Board of Directors. The Board of Directors may allocate these shares to shareholders and other persons under conditions not more favorable than those offered to existing shareholders, unless otherwise approved by the General Meeting of Shareholders.

6. The Company may repurchase up to 30% of the total number of ordinary shares it has issued, and may repurchase part or all of its issued dividend-preferred or redeemable preferred shares, in accordance with the methods provided in this Charter and current laws. Treasury shares and the repurchase of shares of the Company shall comply with the provisions of law.

7. The Company may issue other types of securities in accordance with the provisions of law.

Article 7. Stock certificates

1. Shareholders of the Company shall be issued stock certificates corresponding to the number and class of shares they own.
2. Stock is a type of security that certifies the lawful rights and interests of the holder in a portion of the charter capital of the issuing organization. A stock must include all contents as prescribed in Clause 1, Article 121 of the Law on Enterprises.

Article 8. Other securities certificates

Bond certificates or other securities certificates issued by the Company shall bear the signature of the legal representative and the Company's seal.

Article 9. Transfer of shares

1. All shares are freely transferable unless otherwise provided in this Charter and by law. Listed shares and shares registered for trading on the Stock Exchange shall be transferred in accordance with the provisions of the laws on securities and the securities market.
2. Shares that have not been fully paid up are not transferable and are not entitled to related rights such as the right to receive dividends, the right to receive shares issued to increase share capital from owner's equity, the right to purchase newly issued shares, and other rights as prescribed by law.

V. ORGANIZATIONAL STRUCTURE FOR MANAGEMENT AND SUPERVISION

Article 10. Organizational structure for management and supervision

The organizational structure for management and supervision of the Company includes:

1. General Meeting of Shareholders
2. Board of Directors
3. Board of Supervisors
4. General Director

VI. SHAREHOLDERS AND THE GENERAL MEETING OF SHAREHOLDERS

Article 11. Rights of Shareholders

1. Ordinary shareholders shall have the following rights:
   a. Attend and speak at the General Meeting of Shareholders and exercise the right to vote directly or through an authorized representative or in another form as prescribed in the Company's Charter and the law. Each ordinary share carries one vote;
   b. Receive dividends at the rate determined by the General Meeting of Shareholders;
   c. Have preemptive rights to purchase newly issued shares corresponding to their ownership ratio of ordinary shares in the Company;
   d. Freely transfer their shares to others, except as provided in Clause 3, Article 120 and Clause 1, Article 127 of the Law on Enterprises and other relevant legal provisions;
   e. Review, access, and extract information regarding names and contact addresses in the list of shareholders with voting rights; and request correction of inaccurate information;
   f. Review, access, extract, or copy the Company's Charter, minutes of the General Meeting of Shareholders, and its resolutions;

g. Upon dissolution or bankruptcy of the Company, receive a portion of remaining assets in proportion to their shareholding in the Company;

h. Request the Company to repurchase their shares in cases specified in Article 132 of the Law on Enterprises;

i. Be treated equally. Each share of the same class shall grant shareholders equal rights, obligations, and benefits. In case the Company has different classes of preferred shares, the rights and obligations associated with such preferred shares must be approved by the General Meeting of Shareholders and fully disclosed to shareholders;

j. Access sufficient periodic and ad hoc information disclosed by the Company as required by law;

k. Be protected in terms of their lawful rights and interests; request suspension or cancellation of resolutions and decisions of the General Meeting of Shareholders or the Board of Directors in accordance with the Law on Enterprises;

l. Other rights as provided by law and this Charter.

2. A shareholder or group of shareholders holding at least 5% of the total ordinary shares shall have the following rights:

a. Request the Board of Directors to convene the General Meeting of Shareholders under the provisions of Clause 3, Article 115 and Article 140 of the Law on Enterprises;

b. Review, access, and extract minutes and resolutions/decisions of the Board of Directors, semi-annual and annual financial statements, reports of the Board of Supervisors, contracts, transactions requiring approval from the Board of Directors, and other documents, except for those related to the Company's trade secrets or business secrets;

c. Request the Board of Supervisors to examine specific issues relating to the management and operation of the Company when deemed necessary. Such request must be in writing and include the following contents: full name, contact address, nationality, legal document number for individual shareholders; name, enterprise registration number or legal document number, and head office address for institutional shareholders; number of shares and time of share registration of each shareholder; total number of shares of the group and percentage ownership in the total number of shares of the Company; the issue to be examined and the purpose of the examination;

d. Propose issues to be included in the agenda of the General Meeting of Shareholders. The proposal must be in writing and submitted to the Company no later than 3 working days before the opening date. It must clearly state the shareholder's name, the number and classes of shares held, and the proposed issues to be included in the meeting agenda;

e. Other rights as prescribed by law and this Charter.

3. A shareholder or group of shareholders holding at least 10% of total ordinary shares shall have the right to nominate candidates for the Board of Directors and Board of Supervisors. The nomination shall be carried out as follows:

a. Ordinary shareholders forming a group to nominate candidates for the Board of Directors and the Board of Supervisors must inform other shareholders attending the General Meeting of Shareholders about the group meeting before the opening of the General Meeting of Shareholders;

b. Based on the number of members of the Board of Directors and Board of Supervisors, the shareholder or group of shareholders specified in this clause shall have the right to nominate one or more candidates as decided by the General Meeting of Shareholders. If the number of nominated candidates is less than the number they are entitled to nominate according to the decision of the General Meeting of Shareholders, the remaining candidates shall be nominated by the Board of Directors, the Board of Supervisors, and other shareholders.

Article 12. Obligations of Shareholders

Ordinary shareholders have the following obligations:

1. Pay in full and on time the number of shares committed to be subscribed.
2. Do not withdraw the capital contributed by ordinary shares from the Company in any form, unless the shares are repurchased by the Company or another party. In case a shareholder withdraws part or all of the contributed share capital in violation of this provision, such shareholder and related parties with interests in the Company shall be jointly liable for the Company's debts and other property obligations to the extent of the value of the withdrawn shares and any resulting damages
3. Comply with the Company's Charter and Internal Management Regulations.
4. Abide by the resolutions and decisions of the General Meeting of Shareholders and the Board of Directors.
5. Keep confidential the information provided by the Company in accordance with the Charter and laws; such information must only be used to exercise and protect the shareholder's lawful rights and interests. It is strictly prohibited to disseminate, copy, or send such information to any organization or individual.
6. Attend the General Meeting of Shareholders and exercise the right to vote through the following methods:
   a. Attend and vote directly at the meeting;
   b. Authorize another individual or organization to attend and vote at the meeting;
   c. Attend and vote via online conference, electronic voting or other electronic forms;
   d. Send votes to the meeting via mail, fax, or email.
7. Bear personal liability when acting on behalf of the Company in any of the following acts:
   a. Violating the law;
   b. Conducting business and other transactions for self-interest or for the benefit of another organization or individual;
   c. Making payments for debts not yet due in the face of financial risks to the Company;
   d. Fulfill other obligations in accordance with applicable laws.

Article 13. General Meeting of Shareholders

1. The General Meeting of Shareholders includes all shareholders with voting rights and is the highest decision-making body of the Company. The annual General Meeting of Shareholders

shall be held once a year within four (04) months from the end of the fiscal year. The Board of Directors may extend the time for holding the annual General Meeting of Shareholders if necessary, but not exceeding six (06) months from the end of the fiscal year. Apart from the annual meeting, the General Meeting of Shareholders may be held on an extraordinary basis. The meeting venue is determined as the location where the chairperson is present and must be within the territory of Vietnam.

2. The Board of Directors shall convene the annual General Meeting of Shareholders and select a suitable venue. The annual General Meeting of Shareholders shall decide on matters prescribed by law and the Company's Charter, especially the approval of the audited annual financial statements. If the Audit Report on the Company's annual financial statements contains material exceptions, contrary audit opinions or rejections, the Company must invite a representative of the approved auditing organization to audit the Company's financial statements to attend the annual General Meeting of Shareholders and such representative is responsible for attending the Annual General Meeting of Shareholders of the Company.

3. The Board of Directors must convene an extraordinary General Meeting of Shareholders in the following cases:

a. When deemed necessary in the interest of the Company;

b. The number of remaining members of the Board of Directors or the Board of Supervisors is less than the minimum number of members as prescribed by law;

c. At the request of a shareholder or group of shareholders as stipulated in Clause 2, Article 115 of the Law on Enterprises, the request to convene a General Meeting of Shareholders must be made in writing, stating the reasons and purposes of the meeting, and bearing the signatures of all relevant shareholders or must be made in multiple copies and include sufficient signatures of the relevant shareholders;

d. At the request of the Board of Supervisors;

e. Other cases as prescribed by law and this Charter.

4. Convening of an extraordinary General Meeting of Shareholders:

a. The Board of Directors must convene the General Meeting of Shareholders within 30 days from the date the number of members of the Board of Directors, independent members of the Board of Directors, or members of the Board of Supervisors falls below the statutory minimum as stipulated at Point b, Clause 3 of this Article, or upon receiving the request as stated at Points c and d, Clause 3 of this Article;

b. If the Board of Directors fails to convene the General Meeting of Shareholders as stipulated at Point a, Clause 4 of this Article, within the next 30 days, the Board of Supervisors shall convene the General Meeting of Shareholders in place of the Board of Directors as stipulated in Clause 3, Article 140 of the Law on Enterprises;

c. If the Board of Supervisors fails to convene the General Meeting of Shareholders as stipulated at Point b, Clause 4 of this Article, the shareholder or group of shareholders defined at Point c, Clause 3 of this Article shall have the right to request the legal representative of the Company to convene the General Meeting of Shareholders in accordance with the Law on Enterprises;

In this case, the shareholder or group of shareholders convening the General Meeting of Shareholders may request the Business Registration Authority to supervise the order and procedures for convening, conducting the meeting and making decisions of the General Meeting of Shareholders. All costs for convening and holding the General Meeting of Shareholders shall be borne by the Company. These costs do not include expenses incurred by shareholders attending the meeting, including accommodation and travel expenses.

d. The procedures for organizing the General Meeting of Shareholders shall comply with Clause 5, Article 140 of the Law on Enterprises.

Article 14. Rights and obligations of the General Meeting of Shareholders

1. The General Meeting of Shareholders shall have the following rights and obligations:
   a. Approve the development orientation of the Company;
   b. Decide on the classes of shares and the total number of shares of each class to be offered for sale; decide the annual dividend rate for each class of share;
   c. Elect, dismiss, or remove members of the Board of Directors and members of the Board of Supervisors;
   d. Decide on investment in or sale of assets valued at 50% or more of the total asset value recorded in the latest financial statements of the Company;
   e. Decide to amend and supplement the Company's Charter;
   f. Approve the annual financial statements;
   g. Decide on the repurchase of more than 10% of the total number of shares sold of each class;
   h. Review and address violations committed by members of the Board of Directors or the Board of Supervisors that cause damage to the Company and its shareholders;
   i. Decide on the reorganization or dissolution of the Company;
   j. Determine the budget or total remuneration, bonuses, and other benefits for the Board of Directors and the Board of Supervisors;
   k. Approve the internal governance regulations; Regulations of operations of the Board of Directors and the Board of Supervisors;
   l. Approve the list of approved auditing firms; designate an approved auditing firm to inspect the Company's operations; or dismiss approved auditors when deemed necessary;
   m. Other rights and obligations as prescribed by law and this Charter.
2. The General Meeting of Shareholders shall discuss and approve the following matters:
   a. The Company's annual business plan;
   b. The audited annual financial statements;
   c. The report of the Board of Directors on corporate governance and the performance of the Board of Directors and each of its members;
   d. The report of the Board of Supervisors on the business performance of the Company, the performance of the Board of Directors, and the General Director;

e. The self-assessment report on the performance of the Board of Supervisors and its members;

f. The dividend rate for each class of share;

g. The number of members of the Board of Directors and the Board of Supervisors;

h. Election, dismissal, or removal of members of the Board of Directors and the Board of Supervisors;

i. Determination of the budget or total remuneration, bonuses, and other benefits for the Board of Directors and the Board of Supervisors;

j. Approval of the list of approved auditing firms and decision on the auditing firm to review the Company's operations when deemed necessary;

k. Amendment and supplementation of the Company's Charter;

l. Determination of the classes and quantity of newly issued shares of each class and the transfer of shares by founding shareholders within the first three years from the date of establishment;

m. Division, separation, consolidation, merger, or conversion of the Company;

n. Reorganization and dissolution (liquidation) of the Company and appointment of the liquidator(s);

o. Decision on investment in or sale of assets valued at 50% or more of the total asset value recorded in the latest financial statements of the Company;

p. Decision on the repurchase of more than 10% of the total number of shares sold of each class;

q. Approval of contracts and transactions with related parties as stipulated in Clause 1, Article 167 of the Law on Enterprises, with a value equal to or greater than 35% of the total asset value recorded in the Company's latest financial statements;

r. Approval of transactions stipulated in Clause 4, Article 293 of Decree No. 155/2020/ND-CP dated December 31, 2020 by the Government detailing the implementation of certain articles of the Law on Securities;

s. Approval of internal regulations on corporate governance, regulations on the operation of the Board of Directors, and regulations on the operation of the Board of Supervisors;

t. Other matters as prescribed by law and this Charter.

3. All resolutions and issues included in the meeting agenda must be discussed and voted on at the General Meeting of Shareholders.

Article 15. Authorization to attend the General Meeting of Shareholders

1. Shareholders or authorized representatives of institutional shareholders may attend the meeting in person or authorize one or more individuals or organizations to attend the meeting on their behalf, or participate in the meeting via one of the methods stipulated in Clause 3, Article 144 of the Law on Enterprises.

2. The authorization for an individual or organization to attend the General Meeting of Shareholders under Clause 1 of this Article must be made in writing. The power of attorney shall be prepared in accordance with the provisions of civil law and must clearly state the

name of the authorizing shareholder, the name of the authorized individual or organization, the number of shares authorized, the scope and content of authorization, the term of authorization, and bear the signatures of both the authorizing party and the authorized party.

The authorized person must submit the power of attorney upon registration for the meeting. In the case of sub-authorization, the attendee must also present the original power of attorney from the shareholder or the authorized representative of the institutional shareholder (if not previously registered with the Company).

3. Votes cast by an authorized person within the scope of authorization remain valid in the following cases unless:

a. The authorizing party has died, been restricted in civil act capacity, or has lost civil act capacity;

b. The authorizing party has revoked the authorization;

c. The authorizing party has revoked the authority of the authorized person.

This provision shall not apply if the Company receives notice of any of the aforementioned events prior to the opening of the General Meeting of Shareholders or before the meeting is reconvened.

Article 16. Changes of rights

1. Any changes or revocation of special rights attached to a class of preferred shares shall only take effect when approved by shareholders representing at least 65% of the total voting rights of all shareholders attending and voting at the meeting. Any resolution of the General Meeting of Shareholders that adversely alters the rights and obligations of holders of preferred shares shall only be passed if approved by shareholders of the same class of preferred shares attending and voting at the meeting who hold at least 75% of the total number of that class of preferred shares, or if approved in writing by shareholders of the same class holding at least 75% of the total number of that class of preferred shares.

2. A meeting of shareholders holding a class of preferred shares to approve such changes in rights shall only be valid if attended by at least two shareholders (or their authorized representatives) holding at least one-third of the par value of the issued shares of that class. If the number of attendees does not meet this requirement, the meeting shall be reconvened within 30 days, and any number of shareholders of that class (regardless of the number of people and shares) present in person or via authorized representatives shall be deemed to constitute a quorum. At meetings of shareholders holding the above-mentioned preferred shares, the holders of such shares present in person or through a representative may request a secret ballot. Each share of the same class shall have equal voting rights at the above-mentioned meetings.

3. The procedures for holding such separate meetings shall be implemented in accordance with Articles 18, 19, and 20 of this Charter.

4. Unless otherwise provided in the share issuance terms, the special rights attached to a class of preferred shares regarding the distribution of profits or assets of the Company shall not be affected by the issuance of additional shares of the same class.

Article 17. Convening, agenda, and notice of invitation to the General Meeting of Shareholders

1. The Board of Directors shall convene the annual and extraordinary General Meetings of Shareholders. The Board of Directors shall convene an extraordinary General Meeting of Shareholders in the cases stipulated in Clause 3, Article 13 of this Charter.

2. The person convening the General Meeting of Shareholders must carry out the following tasks:

   a. Prepare the list of shareholders eligible to attend and vote at the General Meeting of Shareholders. The list of shareholders entitled to attend the General Meeting of Shareholders must be made no more than 10 days prior to the date of sending the notice of invitation to the General Meeting of Shareholders. The Company must disclose information on the preparation of the list of shareholders entitled to attend the General Meeting of Shareholders at least 20 days before the final registration date;

   b. Prepare the agenda and contents of the general meeting;

   c. Prepare documents for the general meeting;

   d. Draft resolutions of the General Meeting of Shareholders according to the expected agenda of the meeting;

   e. Determine the time and venue of the general meeting;

   f. Notify and send the notice of invitation to the General Meeting of Shareholders to all shareholders entitled to attend the meeting;

   g. Perform other tasks in service of the general meeting.

3. The notice of invitation to the General Meeting of Shareholders shall be sent to all shareholders by a method that ensures it reaches the shareholders' contact addresses and shall also be published on the website of the Company, the State Securities Commission and the Stock Exchange where the Company's shares are listed or registered for trading. The person convening the General Meeting of Shareholders must send the notice of meeting invitation to all shareholders in the List of shareholders entitled to attend the meeting no later than 21 days prior to the opening date of the meeting (calculated from the date the notice is validly sent or delivered). The meeting agenda and documents related to the matters to be voted on at the general meeting shall be sent to shareholders and/or published on the Company's website. In cases where such documents are not attached to the notice of the General Meeting of Shareholders, the notice must clearly state the link to all meeting documents for shareholders to access, including:

   a. The meeting agenda and documents used in the meeting;

   b. The list and detailed information of candidates in case of election of members of the Board of Directors or members of the Board of Supervisors;

   c. Votes;

   d. Draft resolution for each issue in the meeting agenda.

4. Shareholders or groups of shareholders as stipulated in Clause 2, Article 12 of this Charter have the right to propose matters to be included in the agenda of the General Meeting of

Shareholders. Proposals must be made in writing and sent to the Company no later than 03 working days prior to the opening date of the meeting. The proposal must clearly state the name(s) of the shareholder(s), the number and class of shares held, and the proposed issue(s) to be included in the agenda

5. The person convening the General Meeting of Shareholders has the right to refuse the proposals mentioned in Clause 4 of this Article in the following cases:
   a. The proposal is not submitted in accordance with Clause 4 of this Article;
   b. At the time of the proposal, the shareholder or group of shareholders does not hold at least 5% of the ordinary shares as stipulated in Clause 2, Article 11 of this Charter;
   c. The proposed matter is not within the decision-making authority of the General Meeting of Shareholders;
   d. Other cases as prescribed by law and this Charter.
6. The person convening the General Meeting of Shareholders must accept and include the proposal mentioned in Clause 4 of this Article in the tentative agenda and contents of the meeting, except in cases specified in Clause 5 of this Article; the proposal shall be officially added to the agenda and contents of the meeting if approved by the General Meeting of Shareholders.

Article 18. Conditions for holding a General Meeting of Shareholders

1. The General Meeting of Shareholders shall be conducted when shareholders attending the meeting represent more than 50% of the total voting shares.
2. In case the first meeting fails to satisfy the conditions prescribed in Clause 1 of this Article, the notice of invitation to the second meeting shall be sent within 30 days from the scheduled date of the first meeting. The second General Meeting of Shareholders shall be conducted when the attending shareholders represent at least 33% of the total voting shares.
3. If the second meeting still fails to satisfy the conditions prescribed in Clause 2 of this Article, the notice of invitation to the third meeting must be sent within 20 days from the scheduled date of the second meeting. The third General Meeting of Shareholders shall be conducted regardless of the total voting shares of the shareholders attending the meeting.

Article 19. Procedures for conducting the meeting and voting at the General Meeting of Shareholders

1. Before the meeting is opened, the Company must carry out shareholder registration procedures, which shall continue until all eligible shareholders attending the meeting have completed registration, in the following sequence:
   a. Upon registration, the Company shall issue each shareholder or authorized representative eligible to vote a voting card indicating the registration number, full name of the shareholder, the authorized representative, and the number of voting shares held. The General Meeting of Shareholders shall discuss and vote on each matter on the agenda. Voting shall be carried out in the form of approval, disapproval, or abstention. The vote counting result shall be announced by the chairperson before the meeting is adjourned. The Meeting shall elect vote counters or vote counting supervisors at the proposal of the chairperson. The number of

members of the vote counting committee shall be decided by the General Meeting of Shareholders based on the Chairperson's proposal;

b. Shareholders, authorized representatives of institutional shareholders, or other proxies arriving after the meeting has commenced shall have the right to register and then immediately participate and vote at the general meeting upon registration. The chairperson shall not be required to pause the general meeting to allow latecomers to register, and the validity of resolutions passed prior to their registration shall remain unaffected.

2. The election of the chairperson, secretary, and vote counting committee shall be as follows:

a. The Chairperson of the Board of Directors shall act as the chairperson of the General Meeting convened by the Board of Directors or may authorize another member of the Board of Directors to do so. If the Chairperson is absent or temporarily unable to perform duties, the remaining members of the Board of Directors shall elect one among them to act as chairperson by majority vote. If no chairperson is elected, the Head of the Board of Supervisors shall preside over the election of the meeting chairperson from among the attendees, and the person receiving the highest number of votes shall act as chairperson;

b. Except as stipulated in point a of this Clause, the person signing the notice convening the General Meeting of Shareholders shall preside over the election of the meeting chairperson by the General Meeting of Shareholders, and the person with the highest number of votes shall act as chairperson;

c. The chairperson shall appoint one or more persons to act as secretaries of the meeting;

d. The General Meeting of Shareholders shall elect one or more members to the vote counting committee at the proposal of the chairperson.

3. The agenda and contents of the meeting must be approved by the General Meeting of Shareholders at the opening session. The agenda must specify the time allocation for each matter to be discussed.

4. The chairperson of the meeting shall have the right to take necessary and reasonable measures to manage the General Meeting in an orderly manner, in accordance with the approved agenda and to reflect the wishes of the majority of attendees:

a. Arranging seating at the venue of the General Meeting of Shareholders;

b. Ensuring safety for all attendees at the venue;

c. Creating conditions for shareholders to attend (or continue to attend) the general meeting. The convener of the General Meeting of Shareholders shall have full authority to change such measures and apply any necessary measures, including issuing admission passes or using other selection methods.

5. The General Meeting of Shareholders shall discuss and vote on each matter on the agenda. Voting shall be conducted in the form of approval, disapproval, or abstention. The vote counting result shall be announced by the chairperson before the meeting is adjourned.

6. Shareholders or authorized representatives arriving after the meeting has commenced shall still be allowed to register and vote immediately after registration; in such cases, resolutions adopted prior to their registration shall remain valid.

7. The convener or chairperson of the General Meeting of Shareholders shall have the right to:

a. Require all attendees to undergo checks or other legal and reasonable security measures;

b. Request competent authorities to maintain order at the meeting; expel persons who refuse to comply with the chairperson's authority, intentionally disrupt the meeting, hinder the normal course of the meeting, or refuse security check requirements.

8. The chairperson shall have the right to postpone a General Meeting of Shareholders with a sufficient number of registered attendees for no more than 03 working days from the date of the scheduled opening of the meeting and may only postpone the meeting or change the meeting venue in the following cases:

a. The venue does not have adequate seating for all attendees;

b. Communication facilities at the venue do not ensure participation, discussion, and voting of shareholders;

c. Attendees cause disruption or pose risks that may prevent the meeting from being conducted fairly and legally.

9. If the chairperson postpones or suspends the meeting in contravention of Clause 8 of this Article, the General Meeting of Shareholders shall elect another attendee to act as chairperson until the meeting concludes; all resolutions passed at such a meeting shall remain valid.

10. In case the Company applies modern technology to organize the General Meeting through online conferencing, the Company must ensure that shareholders can attend, discuss, and vote electronically, including via electronic voting or other electronic means in accordance with Article 144 of the Law on Enterprises and Clause 3, Article 273 of Decree No. 155/2020/ND-CP dated December 31, 2020 by the Government detailing the implementation of a number of articles of the Law on Securities.

Article 20. Conditions for resolutions of the General Meeting of Shareholders to be passed

1. A resolution on the following matters shall be passed if it is approved by shareholders representing at least 65% of the total voting shares of all shareholders attending and voting at the meeting, except as provided in Clauses 3, 4, and 6, Article 148 of the Law on Enterprises:

a. Class of shares and total number of shares of each class;

b. Changes in business lines and sectors;

c. Changes in the organizational and management structure of the Company;

d. Investment projects or sale of assets valued at 50% or more of the total asset value recorded in the latest financial statements of the Company;

e. Reorganization or dissolution of the Company.

2. Resolutions shall be passed if approved by shareholders holding more than 50% of the total voting shares of all shareholders attending and voting at the meeting, except for the cases specified in Clause 1 of this Article and Clauses 3, 4, and 6, Article 148 of the Law on Enterprises.

3. Resolutions of the General Meeting of Shareholders passed with 100% of the total voting shares shall be considered lawful and take effect immediately, even if the order and procedures for convening the meeting and passing the resolutions violate the provisions of the Law on Enterprises and the Company's Charter.

Article 21. Authority and procedures for collecting shareholders' written opinions to pass resolutions of the General Meeting of Shareholders

The authority and procedures for collecting shareholders' written opinions to pass resolutions of the General Meeting of Shareholders shall be implemented as follows:

1. The Board of Directors has the authority to collect shareholders' opinions in writing to pass resolutions of the General Meeting of Shareholders when deemed necessary for the benefit of the Company, except as provided in Clause 2, Article 147 of the Law on Enterprises.
2. The Board of Directors must prepare written opinion forms, a draft resolution of the General Meeting of Shareholders, explanatory materials for the draft resolution, and send them to all shareholders with voting rights no later than 10 days before the deadline for submitting the completed opinion forms. The requirements and methods for sending the written opinion forms and accompanying materials shall comply with Clause 3, Article 17 of this Charter.
3. The written opinion form must include the following principal contents:
   a. Name, head office address, and enterprise registration number;
   b. Purpose of collecting opinions;
   c. Full name, contact address, nationality, and legal document number for individual shareholders; name, enterprise registration number or legal document number, and head office address for institutional shareholders; or full name, contact address, nationality, and legal document number for the representative of institutional shareholders; the number of shares of each class and the corresponding number of voting rights of the shareholder;
   d. The issues for which opinions are being sought;
   e. Voting options including approval, disapproval, or abstention for each issue;
   f. Deadline for returning the completed written opinion form to the Company;
   g. Full name and signature of the Chairman of the Board of Directors.
4. Shareholders may return the completed written opinion form to the Company via mail, fax, or email, subject to the following provisions:
   a. In case of sending by mail, the completed written opinion form must be signed by the individual shareholder or the legal/authorized representative of the institutional shareholder. The opinion form must be placed in a sealed envelope, which shall not be opened before the counting of votes;
   b. In case of sending by fax or email, the written opinion form must be kept confidential until the time of vote counting;
   c. Written opinion forms returned to the Company after the deadline stated in the form, or which have been opened in case of mail or disclosed in case of fax or email, shall be deemed invalid. Written opinion forms not returned shall be considered as abstentions.
5. The Board of Directors shall count the votes and prepare a vote counting minutes under the supervision of the Board of Supervisors or a shareholder who does not hold a managerial position in the Company. The vote counting minutes must contain the following main contents:

a. Name, head office address, and enterprise registration number;

b. Purpose and matters for which opinions were sought;

c. Number of shareholders and total number of voting shares who participated in voting, distinguishing between valid and invalid votes and methods of form submission, along with an appendix listing voting shareholders;

d. Total number of votes in favor, against, and abstention for each issue;

e. Issues approved and the corresponding approval ratios;

f. Full names and signatures of the Chairman of the Board of Directors, the vote counter, and the vote counting supervisor.

Members of the Board of Directors, vote counters, and vote counting supervisors shall be jointly responsible for the truthfulness and accuracy of the vote counting minutes and liable for any damages arising from untruthful or inaccurate vote counting results in the passing of resolutions.

6. The vote counting minutes and the resolution must be sent to shareholders within 15 days from the date of completion of vote counting. The sending of the vote counting minutes and resolutions may be replaced by posting on the Company's website within 24 hours from the time vote counting is completed.

7. The completed written opinion forms, vote counting minutes, approved resolutions, and relevant documents accompanying the opinion forms must be archived at the Company's head office.

8. A resolution passed through the form of collecting shareholders' written opinions shall be deemed approved if it is approved by shareholders holding more than 50% of the total votes of all shareholders with voting rights and has the same value as a resolution passed at the General Meeting of Shareholders.

Article 22. Resolutions and Minutes of the General Meeting of Shareholders

1. The General Meeting of Shareholders must be recorded in minutes and may be audio recorded or stored in other electronic forms. The minutes must be prepared in Vietnamese and may also be prepared in a foreign language, and must contain the following principal contents:

a. Name, head office address, and enterprise registration number;

b. Time and venue of the General Meeting of Shareholders;

c. Meeting agenda and content;

d. Full names of the chairperson and secretary;

e. A summary of the meeting proceedings and opinions expressed at the General Meeting of Shareholders on each issue in the agenda;

f. Number of shareholders and total number of voting shares of the shareholders attending the meeting, including an appendix of the shareholder registration list and representatives attending the meeting, with the number of shares and corresponding votes;

g. Total number of votes on each voting issue, clearly stating the voting method, number of

valid and invalid votes, votes in favor, against, and abstentions, and the corresponding percentages of the total number of voting shares of all shareholders attending and voting at the meeting;

h. Issues that were approved and the respective approval ratios;

i. Full names and signatures of the chairperson and secretary. In case the chairperson and secretary refuse to sign the minutes, the minutes shall still be valid if signed by all other attending members of the Board of Directors and contain all required contents as specified in this clause. The minutes must clearly state the refusal of the chairperson and secretary to sign.

2. The meeting minutes of the General Meeting of Shareholders must be completed and approved before the meeting ends. The chairperson and secretary of the meeting or other persons signing the minutes shall be jointly responsible for the truthfulness and accuracy of the contents of the minutes.

3. Minutes prepared in both Vietnamese and a foreign language shall have the same legal validity. In the event of discrepancies between the Vietnamese and the foreign language versions, the Vietnamese version shall prevail.

4. The resolution, minutes of the General Meeting of Shareholders, appendix of the list of shareholders registered to attend the meeting with their signatures, powers of attorney for attending the meeting, all documents attached to the Minutes (if any), and related documents accompanying the notice of meeting invitation must be disclosed in accordance with the laws on information disclosure in the securities market and must be kept at the Company's head office.

Article 23. Request for annulment of resolutions of the General Meeting of Shareholders

Within 90 days from the date of receiving the resolution, the meeting minutes of the General Meeting of Shareholders, or the vote counting minutes from the collection of written opinions of the General Meeting of Shareholders, a shareholder or group of shareholders as prescribed in Clause 2, Article 115 of the Law on Enterprises shall have the right to request a Court or Arbitration body to review and annul the resolution or part of the resolution of the General Meeting of Shareholders in the following cases:

1. The procedures for convening the meeting and adopting the resolution of the General Meeting of Shareholders seriously violated the provisions of the Law on Enterprises and the Company's Charter, except for the case specified in Clause 3, Article 20 of this Charter.

2. The content of the resolution violates the law or this Charter.

VII. BOARD OF DIRECTORS

Article 24. Nomination and candidacy for members of the Board of Directors

1. In case the candidates for the Board of Directors have been identified, the Company must disclose information related to such candidates at least 10 days prior to the opening date of the General Meeting of Shareholders on the Company's website to allow shareholders to learn about the candidates before voting. Each candidate must provide a written commitment to the truthfulness and accuracy of the disclosed personal information and to fulfill their duties honestly, prudently, and in the best interests of the Company if elected as a member of the Board of Directors. The disclosed information related to candidates for the Board of Directors includes:

a. Full name, and date of birth;

b. Professional qualifications;

c. Work experience;

d. Other managerial positions (including positions on the Board of Directors of other companies);

e. Interests related to the Company and its related parties;

f. Other information (if any) as required by the Company's Charter;

g. A public company is responsible for disclosing information on companies where the candidate holds a position on the Board of Directors, other managerial titles, and any interests related to the Company (if any).

2. A shareholder or group of shareholders holding 10% or more of the total ordinary shares has the right to nominate candidates for the Board of Directors in accordance with the Law on Enterprises and the Company's Charter.

3. In case the number of candidates for the Board of Directors through nomination and candidacy is still insufficient as required under Clause 5, Article 115 of the Law on Enterprises, the incumbent Board of Directors shall nominate additional candidates or organize nominations in accordance with the Company's Charter, the Internal Corporate Governance Regulations, and the Regulations of operations of the Board of Directors. The nomination of additional candidates by the incumbent Board of Directors must be clearly disclosed before the General Meeting of Shareholders votes to elect members of the Board of Directors in accordance with the law.

4. Members of the Board of Directors must meet the standards and conditions specified in Clauses 1 and 2, Article 155 of the Law on Enterprises and the Company's Charter.

Article 25. Composition and term of members of the Board of Directors

1. The number of members of the Board of Directors shall range from 03 to 11 persons.

2. The term of members of the Board of Directors shall not exceed 05 years and such members may be re-elected for an unlimited number of terms. An individual may only be elected as an independent member of the Board of Directors of a company for no more than 02 consecutive terms. In the event that all members of the Board of Directors end their terms simultaneously, they shall continue to perform their roles as members of the Board of Directors until replacements are elected and take over their duties.

3. The composition of the Board of Directors:

a. The number of non-executive members of the Board of Directors of a public company must comply with the following requirements:

- At least 01 non-executive member if the Board consists of 03 to 05 members;
- At least 02 non-executive members if the Board consists of 06 to 08 members;
- At least 03 non-executive members if the Board consists of 09 to 11 members.

b. The total number of independent members of the Board of Directors must comply with the following requirements:

- At least 01 independent member if the company has from 03 to 05 members on the Board of Directors;
- At least 02 independent members if the company has from 06 to 08 members on the Board of Directors;
- At least 03 independent members if the company has from 09 to 11 members on the Board of Directors.

4. A member of the Board of Directors shall cease to hold such position if dismissed, removed, or replaced by the General Meeting of Shareholders in accordance with Article 160 of the Law on Enterprises.
5. The appointment of members of the Board of Directors must be publicly disclosed in accordance with laws on information disclosure in the securities market.
6. A member of the Board of Directors is not required to be a shareholder of the Company.

Article 26. Powers and obligations of the Board of Directors

1. The Board of Directors is the managing body of the Company and has full authority to act on behalf of the Company to make decisions and exercise the rights and obligations of the Company, except for those rights and obligations that fall under the authority of the General Meeting of Shareholders.
2. The powers and duties of the Board of Directors are stipulated by law, the Company's Charter, and the resolutions of the General Meeting of Shareholders. Specifically, the Board of Directors has the following powers and duties:

a. Decide on the strategy, medium-term development plan, and annual business plan of the Company;

b. Propose the classes of shares and total number of shares of each class to be offered;

c. Decide on the sale of unsold shares within the authorized number of shares of each type; and raise additional capital by other methods;

d. Determine the offering price of shares and bonds of the Company;

e. Decide on the repurchase of shares as provided in Clauses 1 and 2, Article 133 of the Law on Enterprises;

f. Decide on investment plans, investment projects, or sale of assets valued from 35% to less than 50% of the total asset value recorded in the latest financial statements of the Company;

g. Determine market development, marketing, and technology solutions

h. Approve contracts for the purchase, sale, borrowing, lending, pledging, accepting pledge, mortgaging, accepting mortgage, guaranteeing, accepting guarantee, and other contracts and transactions with a value of 35% or more of the total asset value recorded in the latest financial statements of the company, except those under the authority of the General Meeting of Shareholders;

i. Elect, dismiss, or remove the Chairman of the Board of Directors; appoint, dismiss, sign and terminate contracts with the General Director and other key managers as stipulated in the Company's Charter; determine their salaries, remuneration, bonuses, and other benefits; designate authorized representatives to participate in the Members' Council or General

Meeting of Shareholders of other companies, and determine the remuneration and benefits of such representatives;

j. Supervise and direct the General Director and other managers in conducting the Company's daily business operations;

k. Decide on the organizational structure and internal management regulations of the Company; establish subsidiaries, branches, representative offices, and make capital contributions or purchase shares in other enterprises;

l. Approve the agenda and documents for the General Meeting of Shareholders; convene the General Meeting of Shareholders or collect written opinions to adopt resolutions;

m. Submit audited annual financial statements to the General Meeting of Shareholders;

n. Propose the dividend rate; decide on the timing and procedures for dividend payments or handling business losses;

o. Propose reorganization or dissolution of the Company; or request bankruptcy of the Company;

p. Promulgate the operating regulations of the Board of Directors and the Company's Internal Governance Regulations after approval by the General Meeting of Shareholders; and issue the Company's information disclosure regulations;

q. Perform other rights and obligations as prescribed by the Law on Enterprises, the Law on Securities, other provisions of law and the Company's Charter.

3. The Board of Directors must report to the General Meeting of Shareholders on the performance of the Board of Directors in accordance with Article 280 of Decree No. 155/2020/ND-CP dated December 31, 2020 by the Government detailing the implementation of a number of articles of the Law on Securities.

Article 27. Remuneration, bonuses and other benefits of members of the Board of Directors

1. The Company is entitled to pay remuneration and bonuses to members of the Board of Directors based on the Company's business performance and results.

2. Members of the Board of Directors are entitled to work remuneration and bonuses.

3. Work remuneration shall be calculated based on the number of working days required to fulfill the duties of a member of the Board of Directors and the daily remuneration rate. The Board of Directors shall estimate the remuneration for each member based on the principle of unanimity. The total remuneration and bonuses of the Board of Directors shall be decided by the General Meeting of Shareholders at the annual meeting.

4. The remuneration of each member of the Board of Directors shall be included in the Company's business expenses in accordance with the provisions of the law on corporate income tax, be presented as a separate item in the Company's annual financial statements, and reported to the General Meeting of Shareholders at the annual meeting.

5. A member of the Board of Directors who holds an executive position, serves as a member of the Board of Directors, or performs tasks beyond the normal scope of duties of a member of the Board of Directors may be paid additional remuneration in the form of a lump-sum

payment, salary, commission, profit-sharing percentage, or in another form as decided by the Board of Directors.

6. Members of the Board of Directors are entitled to reimbursement of all travel, accommodation, meal, and other reasonable expenses incurred in the course of fulfilling their responsibilities as members of the Board of Directors, including expenses incurred for attending meetings of the General Meeting of Shareholders, the Board of Directors, or its committees.

7. Members of the Board of Directors may be provided with liability insurance by the Company upon approval of the General Meeting of Shareholders. This insurance does not cover liabilities arising from violations of the law or the Company's Charter committed by members of the Board of Directors.

Article 28. Chairman of the Board of Directors

1. The Chairman of the Board of Directors shall be elected, dismissed, or removed by the Board of Directors from among its members.

2. The Chairman of the Board of Directors shall not concurrently serve as the General Director.

3. The Chairman of the Board of Directors shall have the following rights and obligations:

a. Establish the operational program and plan of the Board of Directors;

b. Prepare the agenda, content, and materials for meetings; convene, preside over, and chair meetings of the Board of Directors;

c. Organize the passing of resolutions and decisions of the Board of Directors;

d. Supervise the implementation of resolutions and decisions of the Board of Directors;

e. Preside over the General Meeting of Shareholders;

f. Other rights and obligations in accordance with the Law on Enterprises and the Company's Charter.

4. In case the Chairman of the Board of Directors resigns or is dismissed or removed, the Board of Directors must elect a replacement within 10 days from the date of receiving the resignation letter or the date of dismissal or removal.

5. In case the Chairman of the Board of Directors is absent or unable to perform his/her duties, he/she must authorize in writing another member to perform the rights and obligations of the Chairman of the Board of Directors in accordance with the principles specified in the Company's Charter. In case there is no authorized person or the Chairman of the Board of Directors dies, is missing, is under temporary detention, is serving a prison sentence, is undergoing administrative handling measures at a compulsory rehabilitation center or compulsory education institution, flees from residence, is restricted or loses civil act capacity, has difficulty in cognition or behavior control, or is prohibited by the Court from holding a position, practicing a profession, or performing certain work, the remaining members shall elect one among themselves to act as Chairman of the Board of Directors based on the majority approval of the remaining members, until a new decision is made by the Board of Directors.

Article 29. Meeting of the Board of Directors

1. The Chairman of the Board of Directors shall be elected at the first meeting of the Board of Directors within 07 working days from the date of conclusion of the election of such Board of Directors. This meeting shall be convened and chaired by the member receiving the highest number of votes or the highest voting ratio. In case there is more than one member receiving the highest and equal number or ratio of votes, the members shall vote based on majority to select one among them to convene the meeting of the Board of Directors.
2. The Board of Directors must meet at least once per quarter and may hold extraordinary meetings.
3. The Chairman of the Board of Directors shall convene a meeting of the Board of Directors in the following cases:
   a. At the request of the Board of Supervisors or an independent member of the Board of Directors;
   b. At the request of the General Director or at least 05 other managers;
   c. At the request of at least 02 members of the Board of Directors;
   d. Other cases as stipulated in the Company's Charter.
4. The request specified in Clause 3 of this Article must be made in writing, clearly stating the purpose, matters to be discussed, and decisions under the authority of the Board of Directors.
5. The Chairman of the Board of Directors must convene a meeting of the Board of Directors within 07 working days from the date of receiving the request specified in Clause 3 of this Article. If the Chairman does not convene the meeting as requested, he/she shall be responsible for any damage caused to the Company; the requesting person shall have the right to convene the meeting of the Board of Directors in place of the Chairman.
6. The Chairman of the Board of Directors or the person convening the Board of Directors meeting must send a notice of meeting invitation no later than 03 working days prior to the meeting date. The notice of meeting invitation must clearly state the time and place of the meeting, agenda, and matters to be discussed and decided. The notice of meeting invitation must be accompanied by documents used in the meeting and the votes of members.
   The notice of meeting invitation may be sent via invitation letter, phone, fax, electronic means, or other methods specified in the Company's Charter, and must ensure delivery to the contact address of each member of the Board of Directors registered with the Company.
7. The Chairman of the Board of Directors or the convener must send the notice of meeting invitation and accompanying documents to the members of the Board of Supervisors in the same manner as to the members of the Board of Directors.
   Members of the Board of Supervisors are entitled to attend the meetings of the Board of Directors; and may discuss but shall not vote.
8. A meeting of the Board of Directors shall be valid when at least 3/4 of the total number of members attends. If a meeting convened in accordance with this provision does not have a sufficient number of attending members as prescribed, a second meeting may be convened within 07 days from the expected date of the first meeting. In this case, the meeting shall be valid if more than half of the members of the Board of Directors attend.
9. A member of the Board of Directors shall be considered as attending and voting at a meeting in the following cases:
   a. Attending and voting directly at the meeting;

b. Authorizing another person to attend and vote in accordance with Clause 11 of this Article;

c. Attending and voting via online conference, electronic voting or other electronic means;

d. Sending the vote to the meeting via mail, fax, or email;

e. Sending the vote via other means as stipulated in the Company's Charter.

10. In case the vote is sent to the meeting via mail, it must be enclosed in a sealed envelope and delivered to the Chairman of the Board of Directors no later than 01 hour before the opening time. The vote shall only be opened in the presence of all attendees.

11. A member must fully attend the meetings of the Board of Directors. A member may authorize another person to attend and vote if approved by the majority of members of the Board of Directors.

12. Resolutions and decisions of the Board of Directors shall be passed if approved by a majority of attending members (over 50%). In case of equal votes, the final decision belongs to the side with the opinion of the Chairman of the Board of Directors.

Article 30. Subcommittees under the Board of Directors

1. The Board of Directors may establish subcommittees in charge of development policy, human resources, remuneration, internal audit, and risk management. The number of subcommittee members shall be decided by the Board of Directors, with a minimum of 03 members including members of the Board of Directors and external members. Independent members of the Board of Directors/ non-executive members of the Board of Directors should constitute the majority in the subcommittee, and one of these members shall be appointed as the Head of the Subcommittee by resolution of the Board of Directors. The operation of the subcommittees must comply with the regulations of the Board of Directors. Resolutions of a subcommittee shall only be valid when passed by a majority of members attending and voting at the subcommittee meeting.

2. The implementation of decisions of the Board of Directors or of its subcommittees must comply with applicable laws and the Company's Charter, as well as Internal Corporate Governance Regulations.

Article 31. Corporate governance officer

1. The Board of Directors of the Company must appoint at least one corporate governance officer to support the corporate governance activities at the enterprise. The corporate governance officer may concurrently hold the position of company secretary as stipulated in Clause 5, Article 156 of the Law on Enterprises.

2. The corporate governance officer must not concurrently work for an approved auditing organization that is auditing the Company's financial statements.

3. The corporate governance officer has the following rights and obligations:

a. Advise the Board of Directors on organizing the General Meeting of Shareholders in accordance with regulations and other matters related to the Company and shareholders;

b. Prepare meetings of the Board of Directors, the Board of Supervisors, and the General Meeting of Shareholders as requested by the Board of Directors or the Board of Supervisors;

c. Advise on procedures for meetings;

d. Attend meetings;

e. Advise on the procedure for drafting resolutions of the Board of Directors in compliance with legal regulations;

f. Provide financial information, copies of meeting minutes of the Board of Directors, and other information to members of the Board of Directors and members of the Board of Supervisors;

g. Monitor and report to the Board of Directors on the Company's information disclosure activities;

h. Act as the main contact point with stakeholders;

i. Maintain confidentiality of information in accordance with the law and the Company's Charter;

j. Other rights and obligations as stipulated by law and the Company's Charter.

VIII. GENERAL DIRECTOR AND OTHER EXECUTIVES

Article 32. Organization of the management apparatus

The Company's management system must ensure that the management apparatus is responsible to the Board of Directors and subject to the supervision and direction of the Board of Directors in the Company's daily business operations. The Company shall have a General Director, Deputy General Directors, Chief Accountant, and other managerial positions appointed by the Board of Directors. The appointment, dismissal, and removal of the aforementioned positions must be approved by resolution or decision of the Board of Directors.

Article 33. Executives of the Company

1. The executives of the Company include the General Director, Deputy General Directors, and the Chief Accountant.
2. Upon the recommendation of the General Director and with the approval of the Board of Directors, the Company may recruit additional executives with a number and qualification suitable to the organizational structure and management regulations of the Company as stipulated by the Board of Directors. Executives shall be responsible for assisting the Company in achieving the objectives set forth in its operations and organization.
3. The General Director shall receive salary and bonuses. The salary and bonuses of the General Director shall be decided by the Board of Directors.
4. Salaries of executives shall be included in the Company's business expenses in accordance with the regulations of the Law on Corporate Income Tax, shall be presented as a separate item in the Company's annual financial statements, and must be reported to the General Meeting of Shareholders at the annual meeting.

Article 34. Appointment, dismissal, responsibilities, and powers of the General Director

1. The Board of Directors shall appoint one member of the Board of Directors or hire another person to act as the General Director.
2. The General Director is responsible for managing the Company's daily business activities; shall be subject to the supervision of the Board of Directors; and shall be accountable to the

Board of Directors and the law for the exercise of assigned rights and obligations.

3. The term of office of the General Director shall not exceed 05 years and may be reappointed for an unlimited number of terms. The General Director must meet the standards and conditions prescribed by law and the Company's Charter.
4. The General Director shall have the following rights and obligations:
   a. Decide on matters relating to the daily business operations of the Company that do not fall under the authority of the Board of Directors;
   b. Organize the implementation of resolutions and decisions of the Board of Directors;
   c. Organize the implementation of the Company's business plan and investment plan;
   d. Propose the organizational structure and internal management regulations of the Company;
   e. Appoint, dismiss, and remove management positions within the Company, except for positions under the authority of the Board of Directors;
   f. Decide on salaries and other benefits for employees of the Company, including managers under the appointment authority of the General Director;
   g. Recruit employees;
   h. Propose plans for dividend distribution or handling business losses;
   i. Decide on investment plans, investment projects, or the sale of assets valued at less than 35% of the total asset value recorded in the latest financial statements of the Company;
   j. Approve contracts for purchase, sale, borrowing, lending, pledging, accepting pledges, mortgaging, accepting mortgages, guarantees, receiving guarantees, and other contracts and transactions with a value of less than 35% of the total asset value recorded in the latest financial statements of the Company, except for contracts and transactions under the authority of the General Meeting of Shareholders and the Board of Directors;
   k. Authorize individuals and/or organizations to perform related tasks within the scope of authority and shall be responsible before the law and the Board of Directors for such authorization;
   l. Other rights and obligations as prescribed by law, the Company's Charter, and resolutions or decisions of the Board of Directors.
5. The Board of Directors may dismiss the General Director when the majority of the members of the Board of Directors with voting rights present at the meeting agree and appoint a new General Director to replace him.

IX. BOARD OF SUPERVISORS

Article 35. Nomination and candidacy of members of the Board of Supervisors (Supervisors)

1. The nomination and candidacy of members of the Board of Supervisors shall be carried out in accordance with Clauses 1 and 2, Article 24 of this Charter.
2. In case the number of candidates for the Board of Supervisors through nomination and candidacy is insufficient, the incumbent Board of Supervisors may nominate additional

candidates or organize nominations in accordance with the Company's Charter, the Internal Corporate Governance Regulations, and the Regulations of operations of the Board of Supervisors. The nomination of additional candidates by the incumbent Board of Supervisors must be clearly disclosed before the General Meeting of Shareholders votes to elect members of the Board of Supervisors as prescribed by law.

Article 36. Composition of the Board of Supervisors

1. The number of members of the Board of Supervisors shall range from 03 to 05 Supervisors. The term of a member of the Board of Supervisors shall not exceed 05 years and may be re-elected for an unlimited number of terms.
2. Members of the Board of Supervisors must meet the standards and conditions prescribed in Article 169 of the Law on Enterprises and must not fall into the following categories:
   a. Working in the accounting or finance department of the Company;
   b. Being a member or employee of an independent auditing firm that audits the Company's financial statements within the last 03 consecutive years.
3. A member of the Board of Supervisors shall be dismissed in the following cases:
   a. No longer meets the standards and conditions to be a member of the Board of Supervisors as specified in Clause 2 of this Article;
   b. Submit a resignation letter which is accepted;
   c. Other cases as specified in this Charter.
4. A member of the Board of Supervisors shall be removed in the following cases:
   a. Fail to fulfill assigned duties and tasks;
   b. Fail to perform his/her rights and obligations for 06 consecutive months, except in force majeure events;
   c. Repeatedly or seriously violates the obligations of a member of the Board of Supervisors as prescribed in the Law on Enterprises and the Company's Charter;
   d. Other cases in accordance with resolutions of the General Meeting of Shareholders.

Article 37. Head of the Board of Supervisors

1. The Head of the Board of Supervisors shall be elected by the Board of Supervisors from among its members; the election, dismissal, and removal shall follow the majority principle. The Board of Supervisors must have more than half of its members residing in Vietnam. The Head of the Board of Supervisors must hold a university degree or higher in one of the following majors: economics, finance, accounting, auditing, law, business administration, or other fields related to the Company's business activities.
2. Rights and obligations of the Head of the Board of Supervisors:
   a. Convene meetings of the Board of Supervisors;
   b. Request the Board of Directors, General Director, and other executives to provide relevant information for reporting to the Board of Supervisors;

c. Prepare and sign reports of the Board of Supervisors after consulting the Board of Directors for submission to the General Meeting of Shareholders.

Article 38. Rights and obligations of the Board of Supervisors

The Board of Supervisors shall have the rights and obligations as prescribed in Article 170 of the Law on Enterprises and the following rights and obligations:

1. Propose and recommend to the General Meeting of Shareholders for approval the list of approved auditing firms to audit the Company's financial statements; decide on the selected auditing firm to inspect the Company's operations, and dismiss the auditor when deemed necessary.
2. Be accountable to the shareholders for its supervisory activities.
3. Supervise the Company's financial status and ensure compliance with laws by the members of the Board of Directors, the General Director, and other managers.
4. Ensure coordination with the Board of Directors, General Director, and shareholders in its operations.
5. In case of detecting violations of law or of the Company's Charter by any member of the Board of Directors, General Director, or other executives, the Board of Supervisors must notify the Board of Directors in writing within 48 hours, request the violator to cease the violations and propose corrective measures.
6. Develop the Regulations of operations of the Board of Supervisors and submit them to the General Meeting of Shareholders for approval.
7. Report to the General Meeting of Shareholders in accordance with Article 290 of Decree No. 155/2020/ND-CP dated December 31, 2020 by the Government detailing the implementation of a number of articles of the Law on Securities.
8. Have the right to access the Company's files and documents stored at the headquarters, branches, and other locations; and to visit the workplaces of the Company's managers and employees during working hours.
9. Request the Board of Directors, members of the Board of Directors, General Director, and other managers to provide complete, accurate, and timely information and documents regarding the management, administration, and business activities of the Company.
10. Other rights and obligations as prescribed by law and this Charter.

Article 39. Meetings of the Board of Supervisors

1. The Board of Supervisors shall meet at least twice a year, with a minimum attendance of two-thirds of its members. Minutes of the Board of Supervisors' meetings must be prepared in detail and clearly. The minutes taker and the members of the Board of Supervisors attending the meeting must sign meeting minutes. All meeting minutes of the Board of Supervisors must be retained to determine the responsibilities of each member.
2. The Board of Supervisors has the right to request members of the Board of Directors, the General Director, and representatives of the approved auditing firm to attend and answer questions on issues that require clarification.

Article 40. Salary, remuneration, bonus, and other benefits of members of the Board of Supervisors

Salaries, remuneration, bonuses, and other benefits of the members of the Board of Supervisors shall be implemented as follows:

1. Members of the Board of Supervisors shall receive salaries, remuneration, bonuses, and other benefits as decided by the General Meeting of Shareholders. The General Meeting of Shareholders shall decide on the total amount for salaries, remuneration, bonuses, other benefits, and the annual operating budget of the Board of Supervisors.
2. Members of the Board of Supervisors shall be reimbursed for reasonable expenses for meals, accommodation, travel, and the use of independent consultancy services. The total amount of remuneration and such expenses shall not exceed the total annual operating budget approved by the General Meeting of Shareholders, unless otherwise decided by the General Meeting of Shareholders.
3. Salaries and operating expenses of the Board of Supervisors shall be accounted for as part of the Company's business expenses in accordance with the law on corporate income tax and other relevant laws, and must be recorded as a separate item in the Company's annual financial statements.

X. RESPONSIBILITIES OF MEMBERS OF THE BOARD OF DIRECTORS, MEMBERS OF THE BOARD OF SUPERVISORS, GENERAL DIRECTOR, AND OTHER EXECUTIVES

Members of the Board of Directors, members of the Board of Supervisors, the General Director, and other executives are responsible for performing their duties, including those as members of subcommittees of the Board of Directors, with honesty and prudence for the benefit of the Company.

Article 41. Responsibility of honesty and avoidance of conflicts of interest

1. Members of the Board of Directors, members of the Board of Supervisors, the General Director, and other managers must disclose related interests as prescribed by the Law on Enterprises and other relevant legal documents.
2. Members of the Board of Directors, members of the Board of Supervisors, the General Director, other managers, and their related persons may only use the information obtained through their positions for the benefit of the Company.
3. Members of the Board of Directors, members of the Board of Supervisors, the General Director, and other managers are obliged to notify in writing the Board of Directors and the Board of Supervisors of transactions between the Company, its subsidiaries, or other companies in which the public company controls 50% or more of charter capital, and themselves or their related persons, in accordance with the law. For such transactions approved by the General Meeting of Shareholders or the Board of Directors, the Company must disclose information about these resolutions as prescribed by securities laws on information disclosure.
4. Members of the Board of Directors are not entitled to vote on transactions that bring benefits to themselves or their related persons, as prescribed by the Law on Enterprises and the Company's Charter.

5. Members of the Board of Directors, members of the Board of Supervisors, the General Director, other managers, and their related persons must not use or disclose internal information to others for conducting related transactions.

6. Transactions between the Company and one or more members of the Board of Directors, members of the Board of Supervisors, the General Director, other executives, and individuals or organizations related to them shall not be deemed invalid in the following cases:

a. For transactions with a value less than or equal to 35% of the total asset value recorded in the latest financial statements, the essential terms of the contract or transaction and the relationships and interests of the members of the Board of Directors, members of the Board of Supervisors, the General Director, and other executives have been reported to the Board of Directors and approved by the Board of Directors by a majority vote of the members of the Board of Directors who have no related interests;

b. For transactions with a value exceeding 35%, or transactions that result in a cumulative value arising within 12 months from the date of the first transaction equal to or exceeding 35% of the total asset value recorded in the latest financial statements, the essential terms of the transaction, as well as the relationships and interests of the members of the Board of Directors, members of the Board of Supervisors, the General Director, and other executives have been announced to the shareholders and approved by the General Meeting of Shareholders by the votes of shareholders with no related interests.

Article 42. Liability for damages and indemnification

1. Members of the Board of Directors, members of the Board of Supervisors, the General Director, and other executives who violate their obligations of honesty, prudence, or fail to fulfill their obligations shall be liable for any damages caused by their violations.

2. The Company shall indemnify any person who is, was, or may become involved in any complaint, lawsuit, or prosecution (including civil or administrative cases, but excluding lawsuits initiated by the Company) if that person is or was a member of the Board of Directors, a member of the Board of Supervisors, the General Director, other executives, employees, or authorized representatives of the Company who have been performing duties authorized by the Company, acting honestly and prudently for the benefit of the Company on the basis of compliance with the law and there is no evidence confirming that such person has violated his/her responsibilities.

3. Indemnification shall cover judgments, fines, and actual payments (including attorney fees) incurred in resolving such matters to the extent permitted by law. The Company may purchase insurance to cover such indemnification obligations.

XI. RIGHT TO ACCESS COMPANY BOOKS AND RECORDS

Article 43. Right to access books and records

1. Ordinary shareholders shall have the right to access books and records, specifically as follows:

a. Ordinary shareholders are entitled to inspect, review, and extract information on names and contact addresses in the list of shareholders with voting rights; request corrections of their inaccurate information; inspect, review, extract, or copy the Company's Charter, minutes of the General Meeting of Shareholders, and resolutions of the General Meeting of

Shareholders;

b. Shareholders or groups of shareholders holding 5% or more of the total ordinary shares shall have the right to inspect, review, and extract the minutes, resolutions, and decisions of the Board of Directors, semi-annual and annual financial statements, reports of the Board of Supervisors, contracts, and transactions subject to the approval of the Board of Directors and other documents, except for those related to the Company's trade secrets and business secrets.

2. In the event that a representative authorized by a shareholder or a group of shareholders requests access to the books and records, such request must be accompanied by a power of attorney from the shareholder or group of shareholders or a notarized copy thereof.

3. Members of the Board of Directors, members of the Board of Supervisors, the General Director, and other executives shall have the right to access the shareholder register, list of shareholders, books, and other records of the Company for purposes related to their positions, provided that such information is kept confidential.

4. The Company shall retain this Charter and its amendments and supplements, the Enterprise Registration Certificate, regulations, documents evidencing ownership of assets, resolutions of the General Meeting of Shareholders and the Board of Directors, minutes of the General Meeting of Shareholders and the Board of Directors, reports of the Board of Directors, reports of the Board of Supervisors, annual financial statements, accounting books, and other documents as required by law at the head office or another location, provided that shareholders and the Business Registration Authority are informed of the location where such documents are stored.

5. The Company's Charter must be published on the Company's website.

XII. EMPLOYEES AND TRADE UNION

Article 44. Employees and trade union

1. The General Director shall prepare plans for the Board of Directors to approve matters relating to recruitment, dismissal, remuneration, social insurance, welfare, commendation, and disciplinary actions applicable to employees and executives of the Company.

2. The General Director shall prepare plans for the Board of Directors to approve matters relating to the Company's relationship with trade union organizations in accordance with the best management standards, practices and policies, the provisions of this Charter, regulations of the Company, and applicable laws.

XIII. PROFIT DISTRIBUTION

Article 45. Profit distribution

1. The General Meeting of Shareholders shall decide the dividend payout ratio and the method of annual dividend payment from the Company's retained earnings.

2. The Company shall not pay interest on dividend payments or other payments related to any class of shares.

3. The Board of Directors may propose the General Meeting of Shareholders to approve the payment of dividends, in whole or in part, in the form of stocks, and the Board of Directors shall be the body to implement such resolution.

4. In cases where dividends or other amounts related to a class of shares are paid in cash, the

Company shall pay them in Vietnamese dong. Payments may be made directly or via bank transfers based on the banking account details provided by shareholders. If the Company has transferred the payment in accordance with the correct banking details provided by the shareholder but the shareholder does not receive the money, the Company shall not be held responsible for the amount already transferred. Payment of dividends for listed/registered stocks on the Stock Exchange may be conducted through securities companies or the Vietnam Securities Depository and Clearing Corporation.

5. Pursuant to the Law on Enterprises and the Law on Securities, the Board of Directors shall pass a resolution or decision to set a specific date to finalize the list of shareholders. Based on such date, persons registered as shareholders or holders of other securities shall be entitled to receive dividends in cash or stocks, and to receive notices or other documents.
6. Other matters related to profit distribution shall be implemented in accordance with the law.

XIV. BANK ACCOUNTS, FISCAL YEAR AND ACCOUNTING SYSTEM

Article 46. Bank accounts

1. The Company shall open accounts at Vietnamese banks or at branches of foreign banks legally operating in Vietnam.
2. With prior approval from the competent authority, the Company may, when necessary, open bank accounts overseas in accordance with legal regulations.
3. The Company shall carry out all payments and accounting transactions through its Vietnamese or foreign currency accounts at banks where it holds accounts.

Article 47. Fiscal year

The Company's fiscal year shall commence on January 1 and end on December 31 of each year.

Article 48. Accounting system

1. The accounting system applied by the Company shall be the corporate accounting system or a specific accounting system promulgated or approved by the competent authority.
2. The Company shall maintain its accounting books in Vietnamese and keep accounting records in accordance with the Law on Accounting and relevant legal regulations. Such records must be accurate, updated, systematic, and sufficient to substantiate and explain the Company's transactions.
3. The currency used in the Company's accounting shall be the Vietnamese Dong. If the Company mainly conducts its business in a foreign currency, it may choose that foreign currency as the accounting currency, take legal responsibility for such choice, and notify the direct tax authority.

XV. FINANCIAL STATEMENTS, ANNUAL REPORTS AND INFORMATION DISCLOSURE RESPONSIBILITIES

Article 49. Annual, semi-annual and quarterly financial statements

1. The Company must prepare annual financial statements, which must be audited in accordance with the law. The Company shall disclose the audited annual financial statements as required by laws on information disclosure in the securities market and submit them to the competent state authorities.

2. Annual financial statements must include all reports, appendices, and explanatory notes as required by laws on corporate accounting. They must present an honest and objective view of the Company's operations.
3. The Company must prepare and disclose its reviewed semi-annual financial statements and quarterly financial statements in accordance with laws on information disclosure in the securities market and submit them to the competent state authorities.

Article 50. Annual report

The Company must prepare and publish its Annual Report in accordance with regulations on securities and the securities market.

XVI. COMPANY AUDIT

Article 51. Audit

1. The General Meeting of Shareholders shall appoint an independent auditing firm or approve a list of independent auditing firms and authorize the Board of Directors to select one of them to audit the Company's financial statements for the next fiscal year based on the terms and conditions agreed with the Board of Directors.
2. The audit report shall be attached to the Company's annual financial statements.
3. The independent auditor auditing the Company's financial statements is entitled to attend the General Meeting of Shareholders, receive notices and relevant information, and express opinions at the general meeting regarding matters related to the audit of the Company's financial statements.

XVII. COMPANY SEAL

Article 52. Company seal

1. The seal includes physical seals made at seal engraving facility or seals in the form of digital signatures in accordance with laws on electronic transactions.
2. The Board of Directors shall decide on the type, quantity, form, and contents of the seals of the Company, its branches, and representative offices (if any).
3. The Board of Directors and the General Director shall use and manage the seal in accordance with applicable laws.

XVIII. COMPANY DISSOLUTION

Article 53. Company dissolution

1. The Company may be dissolved in the following cases:
   a. Upon expiration of the operational term stated in the Company's Charter without any decision to extend it;
   b. As resolved or decided by the General Meeting of Shareholders;
   c. Revocation of the Enterprise Registration Certificate, except as otherwise provided by the Law on Tax Administration;
   d. Other cases as prescribed by law.
2. The dissolution of the Company before the term (including the extended term) is decided by the General Meeting of Shareholders and implemented by the Board of Directors. This

dissolution decision must be notified or approved by the competent authority (if required) according to regulations.

Article 54. Extension of operational term

1. The Board of Directors shall convene a General Meeting of Shareholders at least 7 months prior to the expiry of the operational term so that shareholders can vote on the extension of the Company's operation as proposed by the Board of Directors.
2. The operational term shall be extended if approved by shareholders representing at least 65% of the total voting shares of shareholders attending and voting at the General Meeting of Shareholders.

Article 55. Liquidation

1. At least 06 months before the expiry of the Company's operational term or following the resolution on dissolution, the Board of Directors shall establish a Liquidation Board consisting of 03 members, of which 02 members shall be appointed by the General Meeting of Shareholders and 01 member shall be appointed by the Board of Directors from an independent auditing firm. The Liquidation Board shall prepare its own Regulations of operations. Members of the Liquidation Board may be selected from among the Company's staff or independent experts. All liquidation-related expenses shall be prioritized for payment by the Company before other debts.
2. The Liquidation Board must report its establishment date and commencement of operations to the Business Registration Authority. From that time, the Liquidation Board shall represent the Company in all matters related to the liquidation before the Court and administrative authorities.
3. Proceeds from liquidation shall be paid in the following order:
   a. Liquidation expenses;
   b. Salary debts, severance allowances, social insurance, and other benefits of employees as per collective labor agreements and labor contracts signed;
   c. Tax liabilities;
   d. Other debts of the Company;
   e. The remaining balance after settling all debts from (a) to (d) above shall be distributed to shareholders, with preference shares being paid first.

XIX. RESOLUTION OF INTERNAL DISPUTES

Article 56. Resolutions of internal disputes

1. In the event of a dispute or complaint related to the Company's operations, the rights and obligations of shareholders as prescribed in the Law on Enterprises, the Company's Charter, other legal regulations, or agreements between:
   a. A shareholder and the Company;
   b. A shareholder and the Board of Directors, the Board of Supervisors, the General Director or other executives;

   The relevant parties shall endeavor to resolve such dispute through negotiation and

mediation. Except in cases involving the Board of Directors or the Chairman of the Board of Directors, the Chairman shall lead the dispute resolution process and request each party to present relevant information within 15 working days from the date the dispute arises. In cases of a dispute involving the Board of Directors or the Chairman of the Board of Directors, any party may request the Board of Supervisors to appoint an independent expert to mediate the dispute resolution process.

2. If a mediation decision is not reached within 06 weeks from the beginning of the mediation or if the mediation decision is not accepted by the parties, either party may submit the dispute to Arbitration or Court.
3. Each party shall bear its own costs related to the negotiation and mediation process. Court-related costs shall be settled according to the Court's judgment.

XX. AMENDMENTS AND SUPPLEMENTS TO THE CHARTER

Article 57. Company's Charter

1. Any amendment or supplement to this Charter must be reviewed and decided by the General Meeting of Shareholders.
2. If there are legal provisions related to the Company's activities that are not included in this Charter, or if there are new legal regulations different from those stated herein, such legal provisions shall apply to govern the Company's operations.

XXI. EFFECTIVE DATE

Article 58. Effective date

1. This Charter, consisting of 21 sections and 58 articles, was unanimously approved by the General Meeting of Shareholders of Nam Kim Steel Joint Stock Company on April 24, 2026, was amended, supplemented in accordance with Resolution of the Board of Directors No. 11/2026/NQ-HDQT dated July 15, 2026 of Nam Kim Steel Joint Stock Company and shall take full effect from the same date.
2. This Charter is made in 05 originals of equal legal validity and shall be retained at the Company's head office.
3. This Charter is the sole and official version of the Company.
4. Copies or extracts of this Charter shall be valid when signed by the Chairman of the Board of Directors, the Legal Representative, the Authorized Representative of the Legal Representative, or duly certified by a competent authority/organization.

LEGAL REPRESENTATIVE
GENERAL DIRECTOR

(Signed and sealed)

NGUYEN VINH AN